

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 - 2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: MÔI TRƯỜNG

Người hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Tươi

Sinh viên : Đoàn Bích Ngọc

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 CỦA HUYỆN AN LÃO,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: MÔI TRƯỜNG**

**Người hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Tươi
Sinh viên : Đoàn Bích Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Đoàn Bích gọc

Mã SV : 1412304029

Lớp : MT1801Q

Ngành : Môi trường

Tên đề tài : Đánh giá hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
của huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

-Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất tại huyện An Lão,thành phố Hải Phòng đến năm 2020

- Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất tại huyện An Lão,thành phố Hải Phòng đến năm 2020

- Định hướng thực hiện quy hoạch sử dụng đất huyện An Lão,thành phố Hải Phòng đến năm 2020

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Các số liệu thu thập được liên quan đến quá trình quy hoạch và sử dụng đất tại huyện An Lão,thành phố Hải Phòng đến năm 2020

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Sở Tài Nguyên Và Môi Trường

.....

.....

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ tên: Nguyễn Thị Tươi

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Khoa Môi trường, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: ***“Đánh giá hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện An Lão, thành phố Hải Phòng”***

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đoàn Bích Ngọc

ThS. Nguyễn Thị Tươi

Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN. TRẦN HỮU NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Tươi

Đơn vị công tác: Khoa Môi trường

Họ và tên sinh viên: Đoàn Bích Ngọc Chuyên ngành: Môi trường

Nội dung hướng dẫn: **“Đánh giá hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện An Lão, thành phố Hải Phòng”**

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Đạt Không đạt Điểm:

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Tươi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHĂM PHẢN BIỆN

Họ và tên giảng viên:

Đơn vị công tác:

Họ và tên sinh viên: Chuyên ngành:

Đề tài tốt nghiệp:

.....
.....

1. Phần nhận xét của giáo viên chăm phản biện

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Những mặt còn hạn chế

.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên chăm phản biện

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm phản biện

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2019

Giảng viên chăm phản biện

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, thực hiện và hoàn thành khóa luận, em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ về mặt kiến thức, tinh thần và những ý kiến đóng góp từ phía các thầy cô.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới Th.S. Nguyễn Thị Tươi-người đã hướng dẫn em làm luận văn này; xin chân thành gửi lời cảm ơn tới các thầy, cô trong Phòng đào tạo, Khoa Quản lý tài nguyên và môi trường. Trường Đại Dân Lập Hải Phòng đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho em hoàn thành luận văn này.

Khóa Luận Tốt Nghiệp được hoàn thành cũng nhờ sự giúp đỡ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân huyện An Lão trong suốt quá trình thực hiện đề tài..

Em xin ghi nhớ và cảm ơn những sự giúp đỡ này!

Hải Phòng, ngày 7 tháng 1 năm 2019

Sinh viên

Đoàn Bích Ngọc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1:TỔNG QUAN	2
1.1.ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,TÀI NGUYÊN,MÔI TRƯỜNG.....	2
1.1.1 Điều kiện tự nhiên.....	2
1.1.2.Các nguồn tài nguyên.....	4
1.1.3.Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.....	7
1.2.TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI.....	7
1.1.2.Kinh tế xã hội.....	7
1.2.2. Dân số, lao động, việc làm.....	9
1.2.3.Hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn[3].....	10
1.2.4.Hệ thống cơ sở tầng.....	11
CHƯƠNG 2:HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH ĐẤT ĐAI CỦA HUYỆN AN LÃO HẢI PHÒNG	14
2.1.HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT.....	14
2.1.1.Hiện trạng sử dụng và biến động các loại đất tại huyện An Lão Hải Phòng... 14	
2.1.2.Tiềm năng đất đai huyện An Lão.....	21
2.2.QUI HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN AN LÃO ĐẾN NĂM 2020.....	25
2.2.1.Định hướng sử dụng đất dài hạn[7].....	25
2.2.2 Chi tiêu phát triển kinh tế xã hội[3].....	32
2.2.3.Phương án quy hoạch sử dụng đất.....	36
2.2.4.Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất.....	45
2.2.5.Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế xã hội.....	52
CHƯƠNG 3 :GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT	54
3.1. Giải pháp chính sách.....	54
3.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư.....	54
3.3. Giải pháp về công nghệ.....	54
3.4. Giải pháp về bảo vệ,cải tiến đất đai và môi trường.....	55
3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện.....	55
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	57
1.KẾT LUẬN.....	57
2.KIẾN NGHỊ.....	58
TÀI LIỆU THAM KHẢO	59

DANH MỤC BẢNG

Bảng	Trang
Bảng 1.2: Dân số và mật độ dân số các xã, thị trấn huyện An Lão	9
Bảng 2.1: Diện tích, cơ cấu các loại đất chính của huyện năm 2017	14
Bảng 2.2: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2017	15
Bảng 2.3: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017	17
Bảng 2.4: Đặc điểm các đơn vị đất đai huyện An Lão, TP. Hải Phòng	23

DANH MỤC HÌNH

Hình	Trang
Hình 2.1: Cơ cấu sử dụng các loại đất huyện An Lão năm 2017	14
Hình 2.2: Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp huyện An Lão năm 2017	16
Hình 2.3: Cơ cấu các loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp huyện An Lão năm 2017	17
Hình 2.4: Quy trình thành lập bản đồ đơn vị đất đai	21
Hình 2.5: Bản đồ đơn vị đất đai huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	22

MỞ ĐẦU

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế - xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là công cụ quan trọng cho việc quản lý, sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn một cách hợp lý, có khoa học. Mục tiêu của Đánh giá hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện An Lão - thành phố Hải Phòng là:

Do vậy kiểm tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng đất đai của thành phố để xây dựng phương án sử dụng đất đến năm 2020 phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nói chung và huyện An Lão nói riêng là rất cần thiết.

Theo đó cụ thể hoá quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố tránh tình trạng chông chéo, thiếu thống nhất trên địa bàn huyện.

Đây là cơ sở để quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo vệ tài nguyên đất, bảo vệ cải tạo môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất lâu bền và phát triển bền vững.

Xuất phát từ các lý do trên, chúng tôi đưa ra lựa chọn đề tài "Đánh giá hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất huyện An Lão-Hải Phòng

CHƯƠNG 1:TỔNG QUAN

1.1.ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,TÀI NGUYÊN,MÔI TRƯỜNG

1.1.1 Điều kiện tự nhiên

a.Vị trí địa lý

Huyện An Lão có tổng diện tích tự nhiên là 11.506,43 ha chiếm 7,6% diện tích tự nhiên của toàn thành phố Hải Phòng. Huyện cách trung tâm quận Kiến An 8 km cách trung tâm thành phố Hải Phòng 18 km. Huyện An Lão ở trung tâm đất liền của thành phố Hải Phòng có vị trí chiến lược và quan trọng của đồng bằng sông Hồng, nằm trên trục chính của quốc lộ 10, tỉnh lộ 360, 354, 357. Đây là tuyến đường huyết mạch nối liền một số đô thị chạy qua các tỉnh thành như thành phố Thái Bình, thành phố Hải Phòng, thành phố Nam Định và thành phố Ninh Bình. Với điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý như trên và là huyện ven đô kế cận quận Kiến An đang được phát triển thành quận thương mại và dịch vụ nên An Lão có lợi thế để phát triển toàn diện. Huyện An Lão có toạ độ địa lý :

Kinh độ: Từ 106027'30" đến 106041'15"

Vĩ độ từ 20042'30" đến 20052'30"

- Phía Bắc An Lão giáp huyện An Dương
- Phía Nam giáp huyện Tiên Lãng
- Phía Đông giáp quận Kiến An
- Phía Đông Nam giáp Kiến Thụy
- Phía Tây và Tây Bắc giáp hai huyện Thanh Hà và Kim Môn thuộc tỉnh Hải Dương.

Cơ cấu hành chính huyện An Lão gồm 15 xã và 2 thị trấn.

Với vị trí địa lý như trên và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế với các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng, thành Phố Hải Phòng đồng thời và có nhiều cơ hội lớn trong việc tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư nước ngoài để thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế xã hội của Huyện phát triển trên địa bàn như : công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ....

b. Địa hình, địa mạo

Huyện An Lão có địa hình tương đối bằng phẳng, có độ cao trung bình từ 3-5m thấp nhất từ 0,5-1 m so với mặt nước biển. Xen vào đó là một dãy núi trải Tây bắc xuống Đông Nam, với nhiều điểm cao trên 100m và trong đó có Núi Voi với diện tích

300 ha nằm ở xã An Tiến và Trường Thành là một khu di tích lịch sử có giá trị văn hóa và du lịch rất cao.

- Dạng địa hình bằng phẳng phân bố ở hầu hết các xã có độ cao từ 3-10m so với mực nước biển, độ dốc nền địa hình từ 10-100m.

- Dạng địa hình thấp trũng gồm các khu vực ruộng trũng và các ao hồ xen kẽ có độ cao <1,00 m so với mặt nước biển, nên thường bị ngập nước phân bố nhiều nhất ở xã Chiến Thắng, Bát Tràng, Tân Dân, Trường Thọ..., ít nhất Quốc Tuấn và Thị Trấn An Lão.

c. Khí hậu, thời tiết

Huyện nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ không khí trung bình năm là 23,80 C tháng nóng nhất là tháng 6 tháng 7 có nhiệt độ trung bình là 28,40C. Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1, tháng 2, nhiệt độ trung bình là 15,50C, thấp nhất là 100C.

+ Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 9 và mùa lạnh từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Chênh lệch nhiệt độ hai mùa rõ rệt 110C -120C

+ Độ ẩm không khí: độ ẩm trung bình cả năm là 85%. Độ ẩm không khí chịu ảnh hưởng theo mùa, gió và thủy triều vùng ven biển. Độ ẩm trung bình lúc 13h là 90%, độ ẩm thấp nhất là tháng 1 là 73%, cao nhất là tháng 4 : 91%. độ ẩm thấp nhất tuyệt đối: 56%.

+ Lượng bốc hơi hàng năm bình quân 700ml, trong tháng khô hanh chế độ nước mất cân bằng, lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa nên xảy ra khô hạn, thiếu nước.

+ Lượng mưa bình quân cả năm là 1.740 mm (số đo trung bình từ 1965 - 1995). Lượng mưa trung bình hằng năm là: 1.820 mm.

+ Mùa mưa (tháng 5 - tháng 10) lượng mưa chiếm 80 - 90% lượng mưa cả năm tập trung vào các tháng 6, tháng 7, tháng 8. Lượng mưa trung bình /tháng thời gian này là trên 400mm, cao nhất 683,3 mm(1995). Mùa khô (tháng 10 đến tháng 3 năm sau), đầu mùa khô thường hanh, cuối mùa ẩm ướt và có mưa phùn từ tháng 2 - tháng 4.

+ Lượng mưa trung bình thấp nhất trong năm là tháng 12, tháng 1 và tháng 2, số đo trung bình là 20 mm.

+ Tổng số ngày nắng 150 - 160 ngày/năm, tháng 5 và tháng 7 có giờ nắng cao nhất là 188 giờ/tháng.

+ Huyện An Lão chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chính:

Gió mùa Đông Bắc vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau) tốc độ gió trung bình là 2,2 m/s.

Gió Đông Nam vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, vận tốc gió trung bình 2,5 m/s. Mùa mưa luôn biến động do ảnh hưởng của bão, lũ, dòng triều. Gió mang nhiều hơi nước. Tốc độ trung bình trong năm từ 1,7 - 4 m/s cực đại đạt 20 - 25 m/s vào mùa mưa bão.

+ Bão lũ thường xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 9, bình quân 3 - 5 trận/ năm. Bão kèm theo mưa lớn, gió mạnh, gió giật gây lụt lội. Nước dâng cao nhất là khi triều cường. Huyện An Lão rất nhạy cảm với bão lụt do bao bọc trực tiếp bởi hệ thống Sông Thái Bình (Văn Úc, Lạch Tray, Đa Độ) và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

d. Thủy văn

Hệ thống sông ngòi của huyện đều thuộc hệ thống sông Thái Bình. Nguồn nước ngầm rất hạn hẹp. Mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của huyện đều nhờ nguồn nước mặt của hệ thống 3 con sông chính: Sông Lạch Tray, sông Văn Úc, sông Đa Độ.

* Sông Văn Úc chảy qua huyện có chiều dài 17 km/tổng chiều dài 48,9 km, là sông nhánh cấp II của sông Thái Bình nhận nước từ sông Gù, sông Rạng tỉnh Hải Dương chảy qua ngã 3 Kinh Đồng thôn Quán Trang xã Bát Trang huyện An Lão, tại đây có phân lưu về hướng Bắc là sông Lạch Tray. Sông Văn Úc từ xã Bát Trang đến xã Quang Trung chảy quanh co, uốn khúc, phân ranh giới giữa tỉnh Hải Dương và Hải Phòng. Sông chảy qua giữa các xã Quốc Tuấn, Tân Viên, Chiến Thắng, An Thọ và là giáp ranh giữa bên tả là huyện là An Lão và bên hữu là huyện Tiên Lãng. Văn Úc là con sông lớn chịu ảnh hưởng nước sông Thái Bình chảy xuống và nước từ sông Hồng, qua sông Luộc, sông Mới, sông Mía đổ vào hợp lưu vùng xuôi ra cửa Văn Úc - Đồ Sơn.

Hai sông Văn Úc, Lạch Tray qua địa phận huyện An Lão nối liền An Lão với thành phố Cảng là tuyến đường sông quan trọng, đi ra biển và vào vùng châu thổ sông Hồng, đồng thời cùng với sông Đa Độ hàng năm bồi đắp phù sa tăng độ màu cho đất và cung cấp nguồn nước ngọt tưới tiêu cho nội đồng huyện An Lão và 9 xã huyện An Hải và phục vụ đời sống nhân dân thành phố.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

An Lão là huyện đồng bằng thuộc đồng bằng sông Hồng, có đồi núi và có địa hình địa mạo đa dạng so với các huyện khác của Hải Phòng. Hiện nay theo số liệu thống kê đất đai năm 2010 An Lão có tổng diện tích tự nhiên là 11.506,43 ha.

Do được bao bọc bởi hệ thống sông ngòi dày đặc, được sự bồi đắp phù sa liên tục của sông Đa Độ đã làm giảm mức độ chua, mặn, diện tích đất chua, mặn chiếm tỉ lệ nhỏ trong đất nông nghiệp. Nguồn nước ngọt của sông Đa Độ tưới tiêu cho nội đồng trên phạm vi toàn huyện, cùng hệ thống thủy lợi được xây dựng khá đồng bộ đã làm giảm mức độ chua mặn thấp hơn so với các huyện khác của Hải Phòng. Đây là yếu tố rất thuận lợi cho các canh tác ruộng 3 vụ, 2 vụ và tương lai là cơ sở để phát triển các vùng cây công nghiệp tập trung, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản.

Đất đai của An Lão được hình thành do sự bồi tụ phù sa của các nhánh của sông Thái Bình (gồm 3 sông chính là sông Văn Úc, Lạch Tray, Đa Độ) bao gồm:

+ Đất phù sa được bồi hàng năm (P), có diện tích khoảng 3.400 ha, phân bố ở hầu hết các xã, trên địa hình vùn, vùn cao. Đất có thành phần cơ giới trung bình, hàm lượng dinh dưỡng khá. Đây là loại đất tốt, được sử dụng canh tác nhiều vụ trong năm, trồng lúa, rau màu cho năng suất cao.

+ Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, có diện tích khoảng 1.300 ha, phân bố ở hầu hết các xã trên địa hình cao vùn. Thành phần cơ giới trung bình hoặc nhẹ, hàm lượng dinh dưỡng khá. Đất này có thể gieo trồng nhiều vụ trong năm, có khả năng trồng cây ăn quả (cây vải) cho giá trị kinh tế cao, tập trung lớn ở một số xã : Bát Trang, Trường Thọ...

b.Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt :

+ Lượng nước trong hệ thống sông ngòi huyện An Lão và đều thuộc hệ thống sông Thái Bình mà chủ yếu là 3 con sông: Đa Độ, Sông Cung - Khúc Giản, sông Cầu Sẻ, sông Cầu Nghệ. Trong đó sông Đa Độ có vị trí quan trọng nhất nó cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt và tưới tiêu ruộng đồng An Lão, huyện Kiến Thụy Thành Phố Hải Phòng và 9 xã của huyện An Hải.

Mùa mưa lưu lượng nước các sông rất lớn, ở các sông lớn dòng chảy chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều, nên một lượng nước lớn không thoát kịp thường gây lên tình trạng úng ngập cục bộ trên diện tích lớn đất nông nghiệp. Ngoài các con sông lớn

tự nhiên bao quanh, huyện còn một hệ thống kênh mương dày đặc, rất thuận lợi cho việc tưới tiêu, giao thông đường thủy, cung cấp phù sa cho đồng ruộng.

Vận tốc lưu lượng các con sông biến đổi theo mùa và chu kỳ thủy triều, mùa khô không ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt và tưới tiêu. Mùa mưa bão, do các con sông của An Lão đổ ra biển theo dạng uốn khúc, đã hạn chế phần nào việc thoát nước, gây ra tình trạng úng ngập hàng năm. Do đó, cần phải kè, đắp đê nạo vét hệ thống các con sông luôn luôn được chú trọng.

- Nguồn nước ngầm:

Theo tài liệu nghiên cứu về trữ lượng và chất lượng nguồn nước ngầm trên địa bàn của huyện không phong phú và hạn hẹp. Hiện nay nhân dân trong huyện vẫn sử dụng mạch nước ngầm mạch nóng ở độ sâu 4m-16m phục vụ cho sinh hoạt, lưu lượng nước 0,7-0,8 lít/s. Nguồn nước ngầm của huyện có độ khoáng cao và chua, do vậy phải qua bể lọc mới sử dụng được. Vì hiện nay chưa có nhà máy nước sạch, nên nhân dân trong huyện chủ yếu sử dụng nước mưa và đào, khoan giếng để lấy nước dùng cho sinh hoạt gia đình và chăn nuôi gia súc.

c. Tài nguyên rừng

Huyện An Lão hiện có diện tích 115,14 ha rừng trong đó có 17,59 ha là rừng trồng sản xuất, 52,34 ha là đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 45,21ha loại cây chủ yếu là cây keo, bạch đàn, thông, tràm... các loại cây trồng này chủ yếu cho mục đích bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên chống xói mòn, lở đất.

d. Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản của huyện An Lão không có nhiều ngoài đá vôi và đất sét phong hóa, sét trầm tích (khoảng 4,1 triệu m³) có thể phát triển làm vật liệu xây dựng ở quy mô vừa và nhỏ. Hiện nay đã có nhà máy Gạch Gò Công thuộc xã An Tiến đang sản xuất gạch máy, gạch trang trí, gạch hoa, chế biến đá hoa các loại.

e. Tài nguyên nhân văn

Từ xưa nhân dân huyện An Lão có truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm, có ý thức cần cù chịu khó trong lao động, sản xuất, sáng tạo và thông minh trong xây dựng quê hương đất nước, đóng góp nhiều công sức trong các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, chống Mỹ của dân tộc. Lịch sử phong trào yêu nước, chống giặc ngoại xâm tiêu biểu có những người anh hùng như: Thống Trực (Kha Lâm), Tông Hộc (

Văn Đầu), Chánh Cọc (Phù Lư), Thống Sát (Sái Nghi) cùng với nhân dân đã đánh giặc ngoại xâm.

An Lão là vùng đất hiếu học nơi đây trước kia sản sinh ra nhiều người đỗ tiến sĩ như Cao Toàn, Bùi Mộng Hoa, Trần Toàn, trạng nguyên Trần Tất Văn, Trần Văn Hảo. Tam Tiến sĩ An Thái bao gồm: Nguyễn Kim, Nguyễn Đốc Tín và Nguyễn Chuyên Mỹ. Họ đã viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam làm rạng danh cho quê hương đất nước.

Hiện nay dọc các triền sông, khu di tích núi Voi, đền chùa, miếu đã để lại những dấu ấn của lịch sử hình thành và phát triển văn hoá cho đến ngày nay.

Kết thúc chiến tranh, người dân An Lão bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới với đức tính cần cù, yêu lao động, họ đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị cao, đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong huyện và xuất khẩu.

Phát huy truyền thống cách mạng, người dân trong huyện cần cù sáng tạo, các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân An Lão đã kiên cường, anh dũng vượt qua gian khổ, hy sinh làm nên thành tích rất đáng tự hào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đạt thành quả lớn trong lao động và sản xuất. Đây là những thế mạnh và điều kiện thuận lợi cần được bảo vệ, phát triển trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ năm 2017 và những thời kỳ tiếp theo.

1.1.3.Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất

-Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất trên địa bàn thành phố chủ yếu là ảnh hưởng sự biến đổi của thời tiết. Biến đổi khí hậu của huyện An Lão có mối liên hệ chặt chẽ tới biến đổi khí hậu của Việt Nam

-Bão, lũ cường độ lớn, kéo dài và không theo quy luật, mùa bão lũ gây úng lụt kéo dài: ảnh hưởng của bão tại huyện An Lão không đáng kể nhưng ảnh hưởng của hoàn lưu sau bão khá nặng nề.

-Lượng mưa trung bình năm vào khoảng 1450 - 1600 mm phân bố không đều giữa các tháng và các khu vực. Lượng mưa vào các tháng mùa mưa chiếm tới 70 - 80% lượng mưa cả năm(từ tháng 6 đến tháng 9). Đây cũng là khoảng thời gian thường xảy ra các hiện tượng sạt lở đất.

1.2.TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

1.1.2.Kinh tế xã hội

**Khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản*

Khóa luận tốt nghiệp

-Trồng trọt: Tổng diện tích lúa gieo cấy trong năm 2017 thực hiện 9.962 ha, bằng 103% kế hoạch thành phố giao. Năng suất bình quân đạt 60 tạ/ha/vụ, bằng 99,5% kế hoạch thành phố giao. Sản lượng đạt 59.823 tấn, bằng 103,3% kế hoạch thành phố giao. Huyện duy trì các vùng sản xuất lúa giống tại 15 xã, thị trấn với tổng diện tích 83 ha với sản lượng giống cả năm đạt 400 tấn

-Chăn nuôi:

+, Tổng đàn lợn năm 2017 đạt 59.836 con, bằng 105,34% KH Thành phố giao; trong đó lợn nái 13.368 con.

+, Tổng đàn trâu, bò đạt 1.483 con, bằng 92,69% KH. Đàn dê 505 con, bằng 140,26% KH. +, Tổng đàn gia cầm đạt 834.359 con, bằng 111,46% KH

+, Tổng số trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện theo tiêu chí mới là 79 trại, 12 trang trại tổng hợp và 09 trang trại nuôi trồng thủy sản, kinh tế trang trại, gia trại ổn định và phát triển.

-Thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện là 796 ha, bằng 100% KH; sản lượng đạt 4.093 tấn, bằng 105,6% so cùng kỳ (khai thác 586 tấn, nuôi trồng 3.507 tấn). Tổ chức 15 lớp tập huấn kỹ thuật với hơn 500 lượt người tham gia

***Khu vực kinh tế công nghiệp và xây dựng:**

-Giá trị sản xuất Công nghiệp - xây dựng : Tính đến tháng 11/2017, trên địa bàn huyện có 197 doanh nghiệp thực hiện nộp thuế tại huyện. Doanh thu 10 tháng đầu năm đạt 1.835,7 tỷ đồng, nộp ngân sách 11,13 tỷ đồng, chiếm 74,4% số thu thuế ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện.

-Tiểu thủ công nghiệp: Các làng nghề như: mây, tre đan, điêu khắc đá đang khôi phục và từng bước phát triển.

***Khu vực kinh tế dịch vụ:** Tổng doanh thu ngành thương mại và dịch vụ năm 2017 ước thực hiện 588 tỷ đồng

-Ngân hàng CSXH: Tổng nguồn vốn huy động tại địa phương thông qua các tổ tiết kiệm và vay vốn là 1.350 triệu đồng, bằng 85% so cùng kỳ. Tổng dư nợ ước đạt: 146.677 triệu đồng, bằng 120% so cùng kỳ; trong đó nợ xấu chiếm 0,34%/tổng dư nợ, tăng 10% so cùng kỳ. Doanh số cho vay ước thực hiện 40.493 triệu đồng với 5.657 hộ vay và đã cho 1.917 lượt hộ nghèo vay từ nguồn vốn vay hộ nghèo (bình quân 14 triệu đồng/hộ vay); cho vay giải quyết việc làm 202 dự án để phát triển kinh tế trang trại, tạo việc làm mới ổn định cho 400 lao động.

Khóa luận tốt nghiệp

-Ngân hàng NN&PTNT: Hoạt động tín dụng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, cho vay phục vụ phát triển kinh tế trang trại, gia trại, doanh nghiệp, dịch vụ thương mại trên địa bàn. Tổng nguồn vốn huy động đạt 340 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay là 219 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, nợ xấu chiếm 1,5% tổng dư nợ. Phát hành thẻ 5.500 ATM, trong đó có 469 thẻ lập nghiệp.

1.2.2. Dân số, lao động, việc làm

a. Cơ cấu dân cư - lao động

+ Thành thị có tổng số dân là 11.461 (người), trong đó: thị trấn An Lão có tổng số dân: 4.098 (người); Thị trấn Trường Sơn có tổng số dân: 7.363 (người)

+ Nông thôn bao gồm một phần dân cư thị trấn Trường Sơn và 15 xã có tổng số dân: 120.707 (người).

b. Mật độ dân số

- Dân số toàn huyện: 132.168 người.

- Diện tích: 11.506,43 ha.

- Mật độ dân số trung bình toàn huyện: 1.150 người/km².

+ Thị trấn An Lão: 2.472 người/km².

+ Thị trấn Trường Sơn: 2.046 người/km².

- Mật độ dân số tập trung thấp nhất : Xã Chiến Thắng: 702 người/km².

Bảng 1.2: Dân số và mật độ dân số các xã, thị trấn huyện An Lão

STT	Xã/thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km ²)
I	Khu vực mật độ dân số cao	5,26	11.461	2.179
1	Thị trấn An Lão	1,66	4.098	2.472
2	T.T Trường Sơn	3,60	7.363	2.046
II	Khu vực mật độ dân số trung bình	68,96	85.954	1.246
3	Xã An Thái	5,67	9.153	1.613
4	Xã Thái Sơn	8,15	11.702	1.436
5	Xã Mỹ Đức	8,63	11.675	1.352
6	Xã An Thắng	5,61	7.527	1.341
7	Xã Tân Dân	5,89	7.022	1.192
8	Xã An Tiến	6,64	7.723	1.164

Khóa luận tốt nghiệp

STT	Xã/thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km ²)
9	Xã Quốc Tuấn	7,91	9.206	1.164
10	Xã Quang Trung	6,87	7.871	1.145
11	Xã An Thọ	5,24	5.605	1.070
12	Xã Trường Thọ	8,35	8.470	1.014
III	Khu vực mật độ dân số thấp	40,68	34.753	854
13	Xã Tân Viên	8,02	7.631	952
14	Xã Trường Thành	5,02	4.726	941
15	Xã Quang Hưng	6,65	5.936	892
16	Xã Bát Trang	12,17	10.266	843
17	Xã Chiến Thắng	8,82	6.194	702
Huyện An Lão		114,90	132.168	1.150

(Nguồn: Theo số liệu thống kê của UBND huyện An Lão)

* Nhận xét hiện trạng dân số - lao động.

- Dân số trong độ tuổi lao động cao, lao động nông nghiệp là chủ yếu, tuy nhiên đến nay dân số phi nông nghiệp tăng đáng kể.

- Dân số tập trung đông tại 2 đô thị của huyện.

- Lao động có trình độ văn hoá, trình độ nghề nghiệp thấp.

c.Mức thu nhập bình quân theo đầu người là 12,78 triệu đồng/người trong năm 2010

1.2.3.Hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn[3]

a.Đô thị

*Hệ thống đô thị

- Đô thị huyện An Lão phân bố tại trung tâm thị trấn là thị trấn An Lão với diện tích tự nhiên 165,81 ha và thị trấn Trường Sơn diện tích tự nhiên 359,83 ha.

- Hình thái đô thị được phát triển tập trung theo các giao lộ kiểu vết dầu loang.

- Trung tâm thị trấn và trung tâm huyện bố trí tại giao lộ cửa ngõ thị trấn.

.Tính chất, chức năng, quy mô đô thị và điểm dân cư nông thôn

- Tính chất:

+ Thị trấn Trường Sơn: Một phần của đô thị trung tâm thành phố.

+ Thị trấn An Lão: Đô thị loại 4.

-Chức năng:

+ Thị trấn Trường Sơn: Khu dân cư đô thị trung tâm thành phố.

+ Thị trấn An Lão: Trung tâm huyện và các khu dân cư đô thị.

-Quy mô:

+ Thị trấn Trường Sơn: 4 điểm dân cư, diện tích 359,83 ha, dân số 7.363 người.

+ Thị trấn An Lão: 3 điểm khu dân cư, diện tích 165,81 ha, dân số 4.098 người

b.Khu dân cư nông thôn

-Các khu dân cư nông thôn ở An Lão được hình thành một cách tự nhiên từ xa xưa và tồn tại đến ngày nay dưới dạng các làng xóm, khá tập trung mang dáng dấp các làng xóm truyền thống của Vùng Đồng bằng Bắc Bộ với hình thái nhà ở nông nghiệp có sân, vườn, quy mô diện tích 250 - 800 m²/hộ

-Trong những năm gần đây cùng với quá trình đô thị hoá, các khu dân cư nông thôn có sự chuyển dịch ra gần các trục đường chính, xuất hiện nhà hình ống dọc theo các trục đường với quy mô diện tích 80 - 120 m²/hộ.

1.2.4.Hệ thống cơ sở tầng

a.Hệ thống đường giao thông

-Hệ thống giao thông qua địa bàn huyện rất phong phú gồm đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 10, các tuyến đường tỉnh lộ và hệ thống giao thông huyện lộ. Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đang được thi công, Quốc lộ 10 nằm phía Đông Bắc huyện, đây là tuyến giao thông huyết mạch kết nối các tỉnh vùng duyên Hải Bắc Bộ.

-Hệ thống giao thông tỉnh lộ: gồm 04 tuyến, tỉnh lộ 357, tỉnh lộ 354, tỉnh lộ 360 và tỉnh lộ 362. Các tuyến tỉnh lộ 357, tỉnh lộ 360, tỉnh lộ 354 đã được đầu tư nâng cấp cải tạo, chất lượng đường rất tốt. Tỉnh lộ 362, trước đây là đường huyện lộ, nay được nâng cấp và đổi tên thành tỉnh lộ, chất lượng đường trung bình.

- Hệ thống giao thông huyện lộ: Hầu hết các đường huyện lộ có mặt cắt ngang mặt đường từ 3,0m đến 3,5m, chất lượng đường trung bình và kém như đường 301, 303, 304, 307, 309.

b.Hệ thống thuỷ lợi

Huyện An Lão nằm đầu nguồn hệ thống thuỷ lợi sông Đa Độ, hệ thống sông Lạch Tray và sông Văn Úc.

-Sông Đa Độ: Sông bắt nguồn từ sông Rạng qua cống Trung Trang, chảy qua huyện An Lão và chảy ra sông Văn Úc qua cống Tiểu, ra biển Đông qua cống Họng và

cống C2. Tổng chiều dài sông $L=48,6\text{km}$, chiều rộng trung bình $B=100\text{m}$, chiều dài qua huyện $l=21,7\text{km}$.

-Sông Lạch Tray: nằm phía Bắc huyện An Lão, sông Lạch Tray bắt nguồn từ ngã 3 kênh Đồng nổi với sông Văn úc, đổ ra biển với tổng chiều dài $L=49\text{km}$, mặt cắt trung bình $B=150\text{m}$, chiều dài qua huyện $l=26,8\text{km}$.

-Sông Văn Úc: Sông Văn úc chảy qua Hải Phòng từ ngã 3 Gù ra đến biển, với chiều dài khoảng $L=48,9\text{m}$, mặt cắt trung bình $B=600\text{m}$, chiều dài qua huyện $l=17\text{km}$.

-Công trình thuỷ lợi huyện An Lão:

+ Công trình đầu mối công tưới chính: Cống Trung Trang

+ Công trình đầu mối công tiêu chính: Cống Cỏ Tiêu 2; Cống tiêu 3;

+ Hệ thống kênh cấp II, III bao gồm: kênh Bát Trang, kênh Quang Trung, kênh Khúc Giản, Kênh Việt Khê ... các tuyến kênh bắt nguồn từ sông Đa Độ và thoát ra sông Văn úc, sông Lạch Tray. Tổng chiều dài các kênh $L=61,85\text{km}$

-Hiện trạng đê sông: Hệ thống đê sông huyện An Lão gồm có:

Tuyến đê Hữu sông Lạch Tray là tuyến đê cấp II, có chiều rộng mặt đê trung bình $H= + 5,8\text{m}$, chiều dài qua huyện $L= 24,5\text{km}$.

Đê tả sông Văn Úc, là tuyến đê cấp II, có chiều rộng mặt đê trung bình $B= 4\text{m}$, cao trình mặt đê trung bình $H= + 6\text{m}$, chiều dài qua huyện $L= 28,65\text{km}$.

c.Hệ thống cơ sở hạ tầng thoát nước thải và vệ sinh môi trường[3]

*** Nước thải sinh hoạt**

- Khu đô thị: huyện An Lão hiện có 2 thị trấn là thị trấn An Lão và thị trấn Trường Sơn. Hệ thống thoát nước thải của khu vực hiện được thoát chung vào hệ thống thoát nước mưa. Một phần nước thải sinh hoạt chỉ được xử lý sơ bộ trong bể tự hoại, còn lại xả trực tiếp vào hệ thống ao hồ, kênh mương nông nghiệp. Các công trình đầu mối của hệ thống thoát nước thải chưa có gì.

- Khu nông thôn: Khu vực nông thôn hiện chưa có hệ thống thoát nước thải - VSMT hợp vệ sinh. Nước thải chủ yếu thoát theo độ dốc tự nhiên ra các kênh mương nội đồng. Hiện nay dân cư trong khu vực còn ít, lượng nước thải này nhỏ, phân tán trong các làng xóm, chưa vượt ngưỡng tự làm sạch trong môi trường tự nhiên.

** Rác thải sinh hoạt và nghĩa trang*

- Tại thị trấn: Hạt quản lý đường bộ huyện An Lão chịu trách nhiệm thu gom, xử lý rác thải tại thị trấn và các xã lân cận. Tổng hợp rác thải phát sinh 185 tấn/ngày. Chôn lấp 50%, đốt 50%. Vị trí chôn lấp tại Bãi Nức xã An Tiến, diện tích bãi $F=0.57\text{Ha}$ (hiện đã đổ đầy 0.35 ha)

- Rác trong các khu dân cư làng xóm được thu gom bằng các tổ thu gom rác của từng địa phương. Tỷ lệ thu gom rác thải đạt 60%. Các xã đều có bãi chôn lấp chất thải với quy mô nhỏ khoảng 3.000 - 4.000 m²/bãi.

- Nghĩa trang: Các khu dân cư (làng xóm, thị trấn) đều có các nghĩa trang riêng nằm rải rác xung quanh khu ở, tổng diện tích nghĩa trang trong huyện là $F=121,00$ ha.

**CHƯƠNG 2: HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH ĐẤT ĐAI CỦA
HUYỆN AN LÃO HẢI PHÒNG**

2.1. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1.1. Hiện trạng sử dụng và biến động các loại đất tại huyện An Lão Hải Phòng

a. Phân tích hiện trạng sử dụng các loại đất

- Theo kết quả điều tra hiện trạng sử dụng đất đai, huyện An Lão có tổng diện tích tự nhiên là 11506.43 ha

Bảng 2.1 : Diện tích, cơ cấu các loại đất chính của huyện năm 2017

Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu(%)
Tổng diện tích đất tự nhiên	11.506,43	100,00
Đất nông nghiệp	6.424,05	55,85
Đất phi nông nghiệp	4.901,83	42,60
Đất chưa sử dụng	178,55	1,55

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng)



Hình 2.1: Cơ cấu sử dụng các loại đất huyện An Lão năm 2017

***Nhóm đất nông nghiệp**

.Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp.

Năm 2017, diện tích đất nông nghiệp có 6424.05ha chiếm 55.85 % diện tích tự nhiên

- Đất sản xuất nông nghiệp 5.653.75 ha, bằng 49.14 % diện tích đất tự nhiên.
- Đất lâm nghiệp 115.14 ha chiếm 1.00 % diện tích đất nông nghiệp.
- Đất nuôi trồng thủy sản 620.39 ha, bằng 5.39 % diện tích đất nông nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

.Hiện trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Năm 2017, Đất sản xuất nông nghiệp 5.653,75 ha, bằng 49,14 % diện tích đất nông nghiệp

- Đất trồng cây hàng năm 5.410,12 ha chiếm 47,02 % diện tích đất nông nghiệp, gồm:

+ Đất trồng lúa 5.228,91 ha, chiếm 45,44 % diện tích đất nông nghiệp.

+ Đất trồng cây hàng năm khác 181,21 ha, chiếm 1,57 % diện tích đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây lâu năm 243,63 ha, chiếm 2,12 % diện tích đất nông nghiệp.

.Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp

Năm 2017, diện tích đất lâm nghiệp 115,14 ha chiếm 1,00 % diện tích đất nông nghiệp

- Đất rừng sản xuất 17,59 ha chiếm 0,15 % diện tích đất nông nghiệp.

- Đất rừng phòng hộ 52,34 ha chiếm 0,45 % diện tích đất nông nghiệp

.Hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản

Đất nuôi trồng thủy sản có 620.39 ha, bằng 5.39 % diện tích đất nông nghiệp

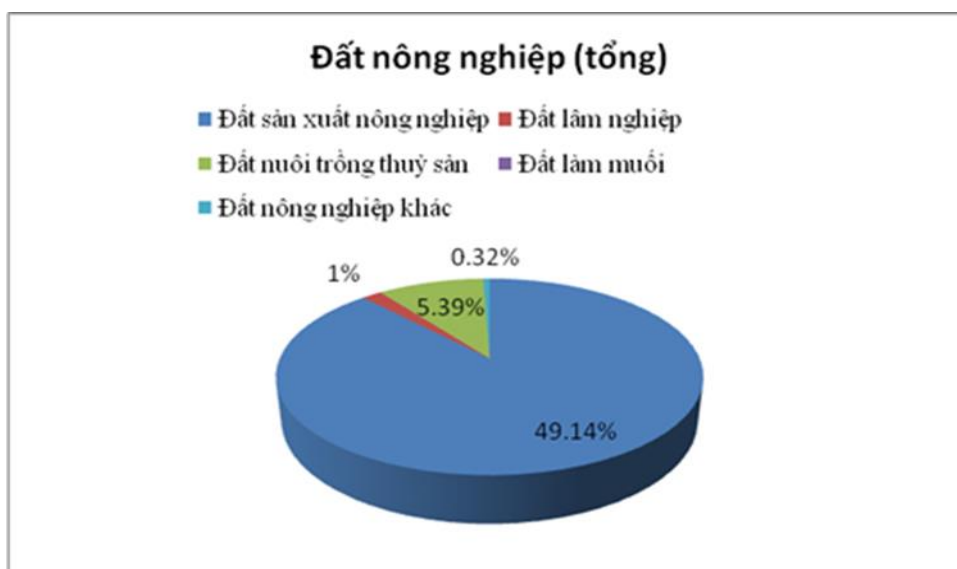
Bảng 2.2 : Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2017

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2017 (ha)	Cơ cấu diện tích loại đất so với tổng diện tích tự nhiên (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	
	Tổng diện tích tự nhiên		11.506,43	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.426,05	55,85
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	5.653,75	49,14
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	5.410,12	47,02
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.228,91	45,44
1.1.1.2	Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	COC		
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	181,21	1,57
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	243,63	2,12
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	115,14	1,00
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	17,59	0,15
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	52,34	0,45
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	45,21	0,39

Khóa luận tốt nghiệp

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2017 (ha)	Cơ cấu diện tích loại đất so với tổng diện tích tự nhiên (%)
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	620,39	5,39
1.4	Đất làm muối	LMU		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	36,77	0,32

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng)



Hình 2.2: Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp huyện An Lão năm 2017

***Nhóm đất phi nông nghiệp**

Năm 2017, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện có 4.901,83 ha, chiếm 42,60 % diện tích tự nhiên

+ Đất ở 1.873,37 ha chiếm 16,28 % diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất chuyên dùng 1.921,40 ha chiếm 16,70 % diện tích đất phi nông nghiệp, gồm:

- Đất trụ sở cơ quan và các công trình sự nghiệp 12,30 ha, chiếm 0,11 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất quốc phòng 105,06 ha, chiếm 0,91 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất an ninh 30,47 ha, chiếm 0,26 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có 226,00 ha, chiếm 1,96 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mục đích công cộng 1.547,57 ha, chiếm 13,45 % diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa 125,13 ha chiếm 1,09 % diện tích đất phi nông nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp

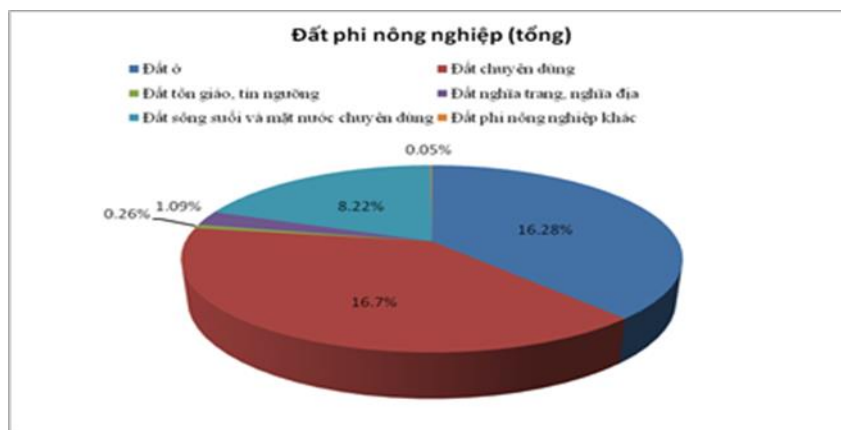
+ Sông, suối và mặt nước chuyên dùng 946,22 ha chiếm 8,22 % diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất phi nông nghiệp khác 5,44 ha, chiếm 0,05 % diện tích đất phi nông nghiệp

Bảng 2.3: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2017	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4901.83	42.60
2.1	Đất ở	OTC	1873.37	16.28
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1757.98	15.28
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	115.39	1.00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1921.40	16.70
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	12.30	0.11
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	105.06	0.91
2.2.3	Đất an ninh	CAN	30.47	0.26
2.2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	226.00	1.96
2.2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC	1547.57	13.45
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	30.27	0.26
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	125.13	1.09
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	946.22	8.22
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	5.44	0.05

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng)



Hình 2.3: Cơ cấu các loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp huyện An Lão năm 2017

***Đất chưa sử dụng**

Năm 2017, huyện còn 178,55 ha đất chưa sử dụng chiếm 1,55 % diện tích tự nhiên, phân bố rải rác trên địa bàn của huyện

- Đất bằng chưa sử dụng 107,27 ha chiếm 0,93 % diện tích đất chưa sử dụng.
- Đất đồi núi chưa sử dụng 70,30 ha chiếm 0,61 % diện tích đất chưa sử dụng.
- Đất núi đá không có rừng cây 0,98 ha chiếm 0,01 % diện tích đất chưa sử dụng

b.Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

Qua số liệu thông số ở các bảng 2.1;2.2;2.3 khi phân tích hiện trạng các loại đất tại huyện An Lão chúng tôi nhận ra một số vấn đề:

- Người dân sản xuất nông nghiệp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học không cân đối gây tác động đến môi trường đất. Cần sử dụng phân vi sinh, áp dụng các tiến bộ, khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất nông, lâm nghiệp cơ bản từ bỏ quảng canh, đi vào thâm canh, coi trọng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích. Đã có những chính sách hợp lý để khuyến khích việc khai hoang cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; phủ xanh đất trống đồi núi trọc; bảo vệ và phát triển rừng nên diện tích đất nông nghiệp đã tăng lên đáng kể; môi trường sinh thái ngày càng được cải thiện. [3]

- Hàng năm lũ lụt cũng gây ảnh hưởng ở một số địa bàn với quy mô không nhỏ gây thiệt hại về kinh tế, tác động xấu đến cảnh quan, môi trường cũng như sức khỏe của con người.

- Ô nhiễm môi trường do tập quán sinh hoạt của người dân, của các khu dân cư đô thị, các chất thải chưa được thu gom và xử lý có hiệu quả,... Ngoài ra, tập quán sinh hoạt của người dân, các chất thải, nước thải, rác thải trong các khu dân cư đô thị, khu du lịch, khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh... cũng là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường sống cũng như tác động xấu đến môi trường đất.

c.Những tồn tại trong việc sử dụng đất

- Diện tích đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng kế cấu hạ tầng sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sử dụng chưa triệt để và chưa đem lại hiệu quả cao.

- Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không có quy hoạch hoặc không theo kế hoạch, sử dụng đất phân tán, manh mún còn phổ biến là thực tế rất khó có thể đạt được hiệu quả cao trong việc khai thác tiềm năng đất đai.

- Tài liệu điều tra cơ bản về đất đai nhất là tài liệu đo đạc lập bản đồ địa chính, mức độ cập nhật thấp, không phản ánh đúng tình hình biến động đất đai trong khi thực tế sử dụng đất biến động lớn.

- Trong quá trình sử dụng đất một số tổ chức, doanh nghiệp còn coi nhẹ việc bảo vệ cảnh quan môi trường dẫn đến ô nhiễm đất, suy thoái đất.

- Một số địa phương công tác quản lý đất đai vẫn còn lỏng lẻo, công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai chưa được làm thường xuyên, liên tục.

- Nhận thức của người dân về chính sách đất đai không đều, ý thức của người sử dụng đất chưa cao, chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai.

****Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất[2]***

.Những mặt đạt được[2]

-Việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất và chỉ tiêu chuyên mục đích sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2017 của huyện đã theo sát và về cơ bản đã đạt theo phương án được phê duyệt

- Quy hoạch sử dụng đất huyện An Lão đến năm 2017 đã được Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3019/QĐ-UB ngày 20 tháng 11 năm, đã góp phần tích cực vào việc định hướng và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của huyện, tạo điều kiện phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của huyện, tạo quỹ đất cho việc xây dựng, cải tạo và chỉnh trang đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp chính quyền thực hiện quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn đi vào kỷ cương pháp luật, nề nếp, hiệu quả.

.Những yếu kém, hạn chế

- Chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn. Chưa dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho các mục đích sử dụng, nhất là đất cho phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, dẫn đến tình trạng dự báo vừa thiếu, vừa thừa quỹ đất.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất thiên về sắp xếp các loại đất theo mục tiêu quản lý hành chính, chưa tính toán đầy đủ về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, chưa phát huy cao tiềm năng đất đai.

- Việc bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất chuyên trồng lúa nước, đất có rừng tự nhiên và dành quỹ đất cho các lĩnh vực xã hội hoá như y tế, văn hoá, thể dục thể thao, giáo dục đào tạo chưa được đề cập đúng mức trong các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc rà soát và quy hoạch lại đối với đất nông trường, lâm trường, đất sản xuất kinh doanh, đất làm nhà ở của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang triển khai còn chậm.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự thống nhất, tình trạng tự phát, cục bộ thực hiện quy hoạch, kế hoạch của các ngành, các cấp vẫn chưa được chấn chỉnh.

.Nguyên nhân của những yếu kém, hạn chế

- Nhiều chủ đầu tư không đủ năng lực tài chính và năng lực quản lý, nhưng đã kinh doanh và lập dự án xin giao diện tích đất lớn, nhất là các dự án kinh doanh, phát triển nhà, nên sau khi nhận đất không triển khai hoặc triển khai chậm, để hoang hóa đất, gây lãng phí nguồn tài nguyên quốc gia

- Trình độ, năng lực lập và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ chuyên môn về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở các cấp còn thiếu và yếu về năng lực. Các điều kiện về vật chất cho công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa bảo đảm, hầu hết các địa phương chưa bố trí thoả đáng kinh phí để hoàn thành việc đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính để tạo điều kiện triển khai nhanh và có chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu yếu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Việc mất cân đối cung - cầu về đất xây dựng nhà ở và các nhu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác cũng thể hiện sự yếu kém trong khâu xây dựng, điều tiết kế hoạch; trong việc thẩm định dự án và hậu kiểm, sự phối kết hợp, kiểm tra thực hiện dự án giữa các ngành của huyện trong quá trình thẩm định, xét duyệt đầu tư.

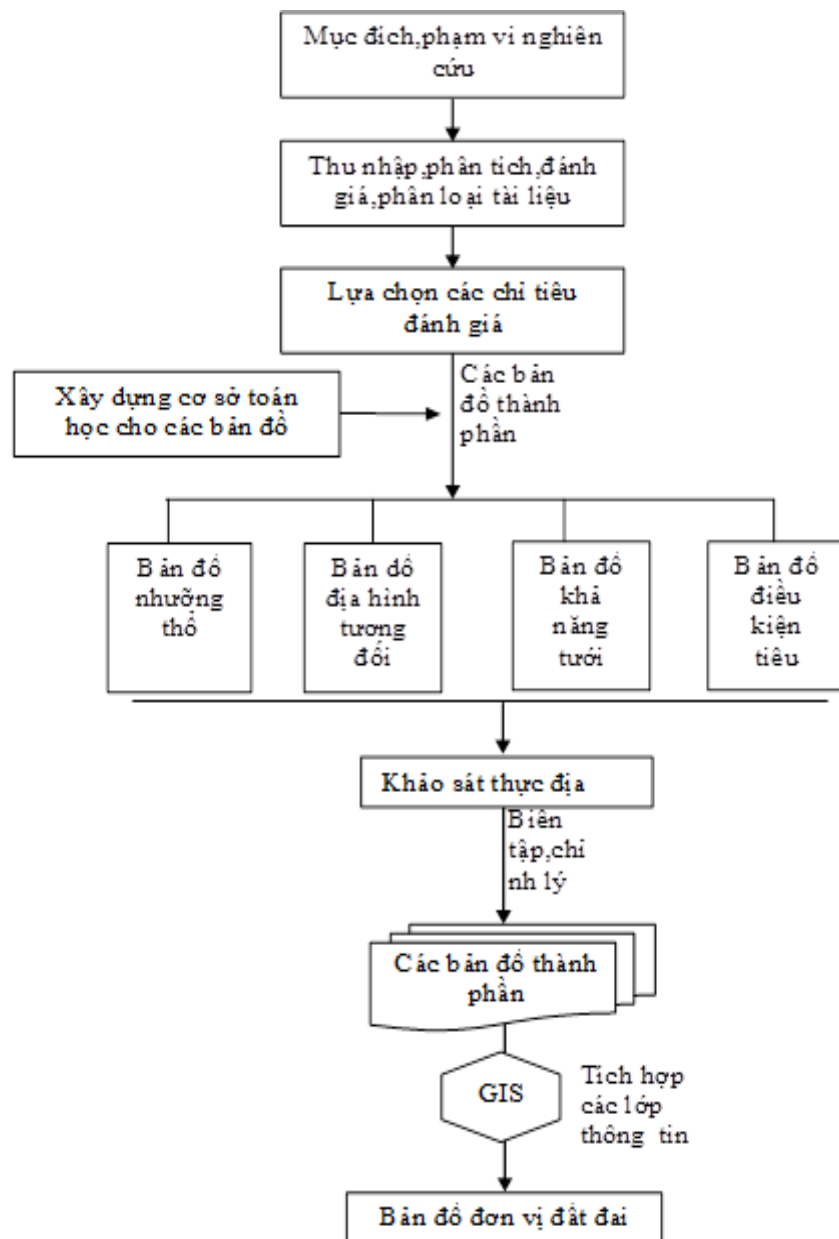
- Công tác thanh tra, kiểm tra sử dụng đất của doanh nghiệp sau khi giao đất chưa thường xuyên, việc xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai chưa kiên

quyết, triệt để, do vậy chưa có tác dụng ngăn chặn, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của người sử dụng đất và quản lý đất.

- Chưa chủ động về nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình đã đăng ký trong phương án quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

2.1.2. Tiềm năng đất đai huyện An Lão

Với khí hậu nhiệt đới gió mùa huyện An Lão có thể phát triển nền nông nghiệp đa dạng với chủng loại cây vụ đông mang tính ôn đới khá phong phú. Vì thế việc xác định các đất đai là quan trọng. Sau đây là quy trình thành lập bản đồ đơn vị đất đai bằng GIS được khái quát như sau:



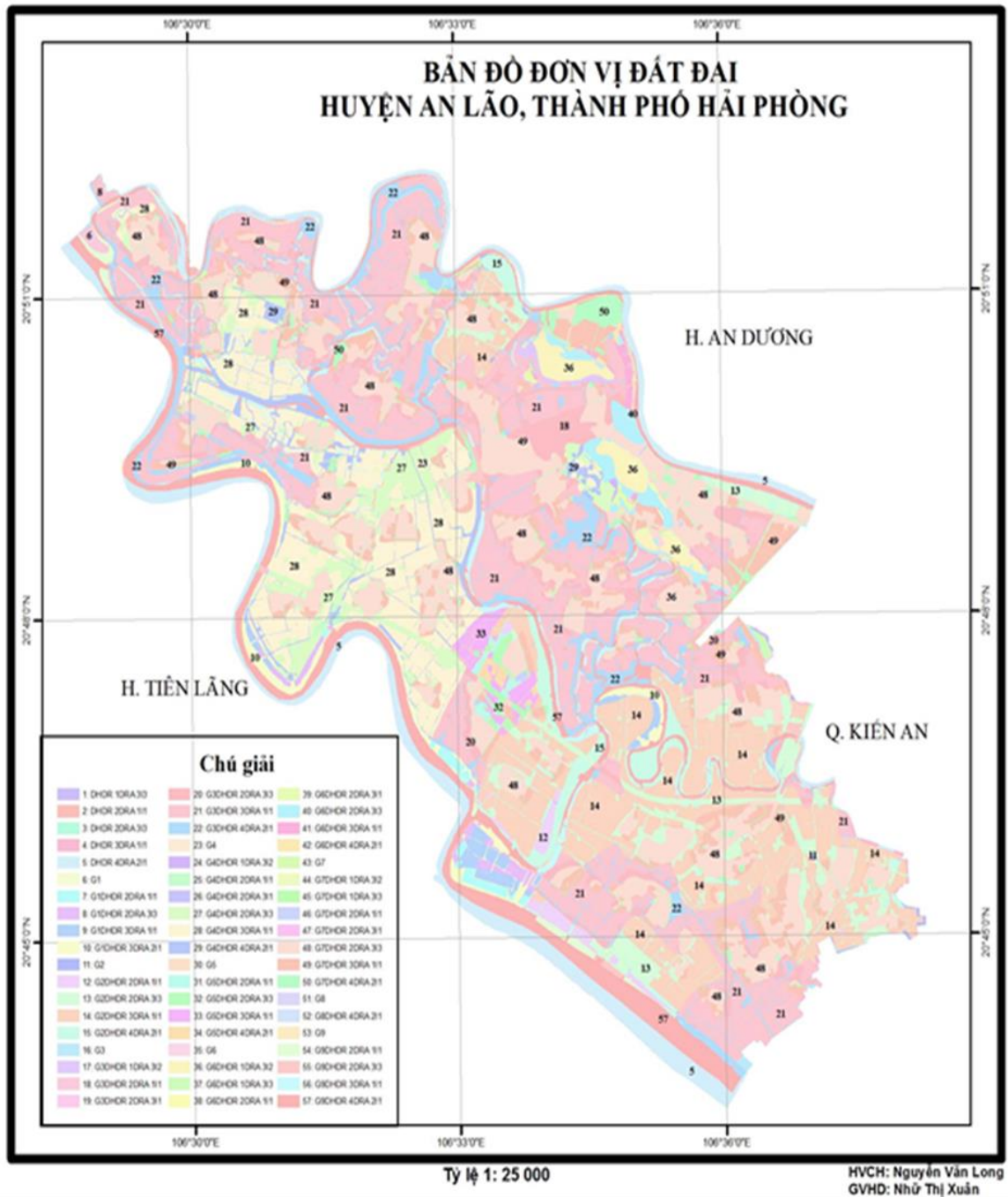
Hình 2.4: Quy trình thành lập bản đồ đơn vị đất đai

Khóa luận tốt nghiệp

Bản đồ thành phần sẽ là cơ sở cho việc thành lập bản đồ đơn vị đất đai - là bản đồ trên đó thể hiện các đơn vị đất khác biệt nhau về các tính chất, các đặc trưng đất đai.

Bản đồ đơn vị đất đai là bản đồ trung gian, chứa các đặc trưng về đất, địa hình, nhiệt độ, điều kiện thủy lợi và là nền tảng cho phân hạng thích nghi đất đai.

Kết quả xây dựng bản đồ đơn vị đất đai:



Hình 2.5: Bản đồ đơn vị đất đai huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Kết quả tổng hợp đơn vị đất đai (LMUs) diện tích đất nông nghiệp huyện An Lão cho thấy có 57 đơn vị đất đai

Bảng 2.4 Đặc điểm các đơn vị đất đai huyện An Lão, TP. Hải Phòng

STT thửa	LMUs	Các thuộc tính của ĐVĐĐ	Diện tích (ha)
1	3	G3TE2D3DHDR2DRA 3I3	928.373
2	3	G3TE2D2DHDR2DRA 3I3	12.67596
3	5	G3TE2D3DHDR4DRA 2I1	55.73819
4	5	G3TE2D4DHDR4DRA 2I1	13.82673
5	5	G3TE2D3DHDR4DRA 2I1	77.4252
6	56	G9TE4D2DHDR3DRA 1I1	39.26037
7	55	G9TE3D3DHDR2DRA 3I3	4.242055
8	55	G9TE5D4DHDR2DRA 3I3	0.859355
9	57	G9TE4D2DHDR4DRA 2I1	30.43529
10	57	G9TE3D3DHDR4DRA 2I1	48.84946
...

(Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hải Phòng)

Hiện tại quỹ đất sản xuất nông nghiệp của huyện có tổng diện tích 6426.05ha, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 5410.12 ha chiếm 84,19 % đất sản xuất nông nghiệp trong đó đất trồng lúa nước 5.228,91 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 243.63 ha chiếm 3,79% đất sản xuất nông nghiệp.

****Tiềm năng đất đai cho phát triển lâm nghiệp***

Ngoài diện tích rừng hiện có, tiềm năng đất đai để phát triển lâm nghiệp chủ yếu được khai thác, mở rộng trên diện tích đất đồi núi chưa sử dụng. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần phủ xanh diện tích này, trồng rừng để cải thiện môi trường sinh thái, tạo công ăn việc làm cho nhân dân.

Diện tích tiềm năng cho loại hình sử dụng đất lâm nghiệp có 115.14ha, phân bố hầu hết trên các nhóm đất

****Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển công nghiệp, đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn***

.Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển công nghiệp

Đánh giá tiềm năng đất cho phát triển công nghiệp là xác định mức độ thuận lợi đối với việc xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp. Các chỉ tiêu cơ bản để xác định mức độ thuận lợi đó là:

- Vị trí tương đối với nguồn nguyên liệu và nơi tiêu thụ sản phẩm
- Địa hình, địa chất
- Cơ sở hạ tầng: giao thông, điện nước...
- Đặc điểm phát triển kinh tế: hiện trạng sử dụng đất
- Nguồn lao động: Mật độ dân cư, trình độ dân trí...
- Chính sách đầu tư, phát triển kinh tế của Trung ương, thành phố.

.Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn

- Thực hiện mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng liên kết các điểm dân cư vùng ngoại thành của thành phố Hải Phòng bảo đảm sự thống nhất của hệ thống đô thị, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, bố trí hợp lý về không gian - kiến trúc, đồng bộ về kết nối hệ thống hạ tầng cơ sở nhằm đảm bảo chi phí thời gian di chuyển tối ưu cho các hoạt động ăn ở, làm việc, vui chơi, giải trí của dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố. Mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn huyện từng bước được nâng cấp, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đảm bảo phát triển hài hòa, ổn định về kinh tế - xã hội - an ninh, quốc phòng.

**** Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển du lịch***

Huyện An Lão có địa điểm du lịch chủ yếu là núi Voi đã được đưa vào hệ thống các điểm du lịch của Hải Phòng gắn liền với Hạ Long (Quảng Ninh), du lịch Cát Bà, và Suối nước nóng Tiên Lãng, Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm tạo thành các tuyến du

lich ven biển đẹp, đa dạng có sức hấp dẫn. Sự gắn kết của các điều kiện tự nhiên (đảo, các bãi tắm, rừng nguyên sinh, các ngọn núi...) và các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn Thành phố, kết hợp với kết cấu hạ tầng tương đối phát triển đã tạo cho Hải Phòng có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch.

*** Đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng.**

-Quỹ đất chưa sử dụng của huyện An Lão còn 107.27 ha đất bằng chưa sử dụng và 70.30 ha đất đồi núi chưa sử dụng có thể đầu tư khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch sinh thái (phát triển kinh tế, kết hợp bảo vệ môi trường)

-Huyện An Lão có vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng tương đối phát triển và nguồn nhân lực dồi dào, rất thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp

2.2. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN AN LÃO ĐẾN NĂM 2020

2.2.1. Định hướng sử dụng đất dài hạn [7]

a. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020 và giai đoạn tiếp theo

Với tình hình thực hiện nay và thông qua học tập rút kinh nghiệm huyện An Lão, tôi nhận thấy:

- Ưu tiên phát triển công nghiệp khai thác - chế biến khoáng sản, xây dựng thủy điện nhỏ và vừa, phát triển kinh tế du lịch, phát triển chăn nuôi gia súc, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo nguyên tắc hài hòa giữa 3 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Chú trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dịch vụ và công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm đưa huyện An Lão từng bước trở thành huyện có cơ cấu sản xuất công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và nông nghiệp hiện đại.

- Phương hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế phải hướng tới tuyển dụng nhiều lao động và nhanh chóng chuyển một bộ phận đáng kể lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ năng suất cao thông qua bước đột phá trong phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đô thị cùng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp khai khoáng gắn với chế biến cũng như phát triển kinh tế xã hội.

- Nâng cao chất lượng công tác y tế, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Phát triển các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc; đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh, quốc phòng, giữa hoạt động an ninh, quốc phòng với đối ngoại. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, kiềm chế và giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

****Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội***

- Xây dựng huyện An Lão thành huyện có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng phát triển; bảo vệ môi trường; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác có hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại;

- Phát triển đồng bộ các thị trường cơ bản, chú trọng phát triển ngành thị trường bất động sản, tài chính, khoa học công nghệ, lao động. Mở rộng và phát triển không gian kinh tế, tăng cường hợp tác phát triển với các địa phương trong và ngoài huyện.

- Phát triển mạnh và nâng cao sức cạnh tranh của các loại hình doanh nghiệp; tập trung đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực; phát triển văn hóa, xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, từng bước xoá đói, giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm, giảm và tiến tới xoá bỏ các tệ nạn xã hội;

- Phát triển khoa học, công nghệ và có bước đi phù hợp trong việc kết hợp giữa cơ khí hóa, hiện đại hóa với ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học nhằm cải thiện đáng kể trình độ công nghệ trong nền kinh tế.

- Tăng cường đầu tư, nâng cao tiềm lực quốc phòng - an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

****Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội***

Mục tiêu tổng quát

- Sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hoá chủ lực để đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, hiệu quả và nâng cao được sức cạnh tranh trong vùng.

Khóa luận tốt nghiệp

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, đa dạng sinh học,... để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Ưu tiên phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất, quản lý,... để tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào ở vùng biên giới. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh quốc gia.

.Mục tiêu cụ thể

+Chỉ tiêu kinh tế:

- Đến năm 2020 tổng GDP của Hải Phòng trong GDP của cả nước đạt khoảng 7,3%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.900 - 5.000 USD vào năm 2020. Tốc độ tăng bình quân GDP ngành dịch vụ đạt khoảng 14,4 - 15% năm; công nghiệp - xây dựng tăng 12,7 - 13,7%/năm; nông - lâm - thủy sản tăng 4,5%/năm.

- Đến năm 2020 cơ cấu kinh tế có tỷ trọng dịch vụ từ 63 - 64%, công nghiệp từ 33 - 34%, nông nghiệp từ 3 - 4%.

-Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 6 tỷ USD vào năm 2020; tốc độ tăng xuất khẩu bình quân hàng năm khoảng 20%

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 110 ngàn tỷ đồng năm 2020, tốc độ tăng trung bình của thu ngân sách trên 18% giai đoạn 2015 - 2020.

- Đến năm 2020 tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 250 tỷ đồng, chiếm 50% tổng GDP.

- Thu hút từ 7,4 đến 7,6 triệu lượt khách du lịch;

- Năng suất lao động xã hội đạt trên 2 lần vào năm 2020.

- Tỷ lệ đô thị hoá đạt 80 - 85% vào năm 2020, đạt trên mức yêu cầu của một đô thị loại I. Đảm bảo 100% số hộ gia đình dùng nước sạch, 100% số hộ có điện sử dụng; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 100% vào năm 2020; tỷ lệ đảm bảo việc làm cho lao động có nhu cầu ở đô thị đạt 97% vào năm 2020.

- Hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng, hiện đại đạt trình độ về kết cấu hạ tầng của những thành phố phát triển trong khu vực.

+ Chỉ tiêu xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân dưới 1%/năm.

Khóa luận tốt nghiệp

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm bình quân mỗi năm trên 1%;
- Giải quyết việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn.

Cơ cấu lao động đến năm 2020 có cơ cấu là 37,2%-38,6%-24,2%.

- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị duy trì mức 4%, phần đầu nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn đạt 85%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở các trình độ đạt trên 75% (trong đó đào tạo nghề đạt 60%) trong tổng số lao động.

- Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp mẫu giáo đạt 100%; tỷ lệ học sinh học sinh vào lớp 1, lớp 6 đúng lứa tuổi đạt 100%;

- Tỷ lệ dân số đô thị 75%;

- Có 30% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới);

+ Các chỉ tiêu môi trường:

- 100% số hộ gia đình ở thị trấn và trên 95% số hộ gia đình ở nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- 95% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý hợp vệ sinh; 70% lượng chất thải rắn phát sinh tại khu vực nông thôn, 70% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% chất thải rắn nguy hại y tế được thu gom và xử lý theo quy định;

- 100% cơ sở sản xuất mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

- 100% các huyện có bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh.

b. Quan điểm sử dụng đất dài hạn [7]

- Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ để khai thác sử dụng triệt để, tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả quỹ đất để phục vụ cho các mục đích dân sinh kinh tế, tận dụng không gian trong xây dựng, phát triển chiều cao trong các khu dân cư, các trung tâm hành chính, dịch vụ thương mại, văn hoá... tạo ra các khoảng không cần thiết đáp ứng cho các hoạt động của huyện.

- Tiếp tục chuyển đổi mục đích sử dụng của một số loại đất kể cả đất nông nghiệp để đáp ứng cho nhu cầu phát triển mở rộng đô thị, khu công nghiệp trên cơ sở xem xét điều kiện đất đai, hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường và lợi ích lâu dài. Đầu

tư để phát triển sản xuất nông nghiệp theo chiều sâu và thế mạnh của các loại cây, con đặc sản có chất lượng và giá trị kinh tế cao.

- Dành đủ diện tích đất cho bố trí và phát triển cơ sở hạ tầng, công trình công cộng và phúc lợi xã hội, đặc biệt là hệ thống giao thông, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt đời sống của nhân dân. Việc đầu tư phải được tiến hành đồng bộ gắn với sự phát triển của huyện.

- Sử dụng đất đai phải kết hợp với công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ các di tích, danh lam, thắng cảnh, bảo vệ diện tích rừng hiện có. Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, rừng ngập mặn ven biển để làm tốt chức năng phòng hộ, bảo vệ cân bằng sinh thái và tạo vùng phong cảnh du lịch. Tăng cường diện tích cây xanh trong các khu đô thị của huyện.

- Khai thác sử dụng đất kết hợp với việc coi trọng mục tiêu phòng thủ an ninh quốc gia.

c. Đề xuất định hướng sử dụng đất huyện An Lão đến năm 2020

****Quan điểm sử dụng đất và bảo vệ môi trường sinh thái [1]***

- Nông, lâm nghiệp, thủy sản: xây dựng vùng thâm canh nông nghiệp với các loại cây trồng như ngô, lúa, rau xanh, hoa quả,... đồng thời xây dựng theo mô hình công nghiệp, bán công nghiệp về chăn nuôi trâu bò thịt, nuôi lợn hướng nạc, chăn nuôi gia cầm,... Song song với trồng trọt và chăn nuôi, tiến hành đẩy nhanh hoạt động chế biến nông sản tại các khu công nghiệp trong vùng... chuyển đổi nuôi trồng thủy sản nâng cao hiệu quả kinh tế góp phần xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ đất đai, môi trường sinh thái.

- Công nghiệp, xây dựng: tập trung kêu gọi đầu tư các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến. Xây dựng tập trung thành các cụm công nghiệp để quản lý và giám sát việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch, mặt khác đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

****Định hướng sử dụng đất theo các mục đích sử dụng***

+Đất nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp phù hợp với quy hoạch mở rộng đô thị; tiến hành quy hoạch lại đất nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh, gắn phát triển nông nghiệp với du lịch sinh thái tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường; tiếp tục đẩy mạnh

chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai.

Trên địa bàn huyện phát triển mạnh cây trồng có khả năng trở thành hàng hoá qui mô lớn, gắn chế biến với thị trường để nâng cao giá trị của sản phẩm. Chuyển đổi mạnh cơ cấu giữa trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ theo hướng nâng cao giá trị, ứng dụng công nghệ nhằm tạo ra giá trị hàng hóa lớn trên một đơn vị diện tích và đảm bảo sản xuất nông nghiệp bền vững.

Trong những năm tới quá trình đô thị hoá sẽ tiếp tục diễn ra do việc triển khai xây dựng các khu đô thị mới, theo đó có một phần diện tích đất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp sẽ chuyển sang mục đích phi nông nghiệp.

+Đất phi nông nghiệp

-Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp

Cùng với việc cải tạo, chỉnh trang các trụ sở cơ quan hiện có sẽ tiến hành xây mới, mở rộng hệ thống trụ sở, cơ quan trên địa bàn huyện, bao gồm: Trung tâm hành chính, trụ sở UBND các phường, xã mới thành lập ở huyện...

+Đất quốc phòng

Nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo tốt công tác quốc phòng, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ trên toàn huyện, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc thì trong những năm tới đất quốc phòng trên địa bàn huyện cần bổ sung thêm để xây dựng các công trình phòng thủ, khu căn cứ chiến đấu, thao trường huấn luyện của Bộ chỉ huy quân sự thành phố và Ban chỉ huy quân sự huyện.

Đồng thời, nhằm sử dụng có hiệu quả đất đai nói chung và đất quốc phòng nói riêng, trong thời gian tới cần tiếp tục rà soát hiện trạng sử dụng các cơ sở do Bộ chỉ huy quân sự thành phố và Ban chỉ huy quân sự huyện đang quản lý, sử dụng để bàn giao những diện tích không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả cho địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

+Đất an ninh

Quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phòng thủ, giữ gìn an ninh toàn khu vực. Trên quan điểm khai thác sử dụng đất luôn coi trọng nguyên tắc quốc phòng kết hợp với kinh tế và kinh tế kết hợp với quốc phòng. Định hướng sử dụng đất cho các mục đích kinh tế không phá vỡ quy hoạch sử dụng đất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn huyện.

+ Đất khu công nghiệp

- Cùng với việc nâng cấp, sử dụng hiệu quả quỹ đất công nghiệp hiện có, dự kiến đến năm 2030 huyện An Lão còn quy hoạch mới khu công nghiệp Cầu Cự 105,86 ha.

Ngoài ra còn hình thành các cụm, điểm công nghiệp vừa và nhỏ gắn với dịch vụ có quy mô từ 10,00 - 15,00 ha ở các huyện, đầu mối giao thông với mục đích giải quyết các nhu cầu phát triển công nghiệp của địa phương. Đồng thời cần thúc đẩy việc phát triển mở rộng và bảo tồn các làng nghề truyền thống, hình thành các khu tiểu thủ công nghiệp tập trung ở từng xã, ưu tiên giải quyết mặt bằng xây dựng cơ sở hạ tầng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Đất cho hoạt động khoáng sản

Do đặc điểm lịch sử địa chất huyện ít có dấu vết của hoạt động magma nên ít có các mỏ khoáng sản lớn.

+ Đất phát triển hạ tầng

- Đất giao thông

Tập trung ưu tiên xây dựng và hiện đại hoá hệ thống giao thông vận tải của huyện, bao gồm những công trình có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển của đô thị, làm cầu nối liên hệ giữa các đô thị trong nước và các nước như sân bay, bến cảng, đường sắt, đường bộ, đường sông, các bến xe, nhà ga...

Các công trình giao thông đi qua nội thị phải được quy hoạch hợp lý: Đường sắt, đường cao tốc không được giao cắt đồng mức, đồng thời phải đảm bảo lộ giới hành lang an toàn giao thông theo quy định.

Dành đủ đất để xây dựng các công trình giao thông đầu mối, mạng lưới đường bộ, đường sắt và giao thông tĩnh đảm bảo tỷ lệ đất giao thông từ 19 - 21% đất xây dựng đô thị (tính đến đường khu vực) khai thác cả 3 hướng mặt đất, trên không và dưới lòng đất.

-Đất thuỷ lợi:

Trong thời gian tới tập trung tu bổ đê điều, phấn đấu 100% tuyến đê đạt cao trình thiết kế. Xây dựng mới, nâng cấp khép kín các tuyến đê sông. Xây dựng mới các trạm bơm, cống dưới đê sông và đê biển. Đầu tư nạo vét, mở rộng các tuyến kênh trục chính và kênh mương nội đồng, phấn đấu kiên cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng và một số tuyến kênh trục chính, nhất là các đoạn qua nội thị và khu dân cư.

-Đất công trình bưu chính viễn thông

Xây dựng hệ thống bưu điện cấp huyện và các công trình bưu chính, viễn thông khác như trạm chuyên tiếp phát thanh, trụ sở khai thác nhà trạm, trạm BTS,..

-Đất cơ sở văn hoá

Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ và vui chơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân huyện trong thời gian tới trên địa bàn huyện cần tiếp tục xây dựng các khu công viên cây xanh và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá từ cấp huyện xuống đến thôn xóm, đảm bảo cho mỗi thôn đều có nhà văn hoá thôn và khu vui chơi giải trí.

-Đất cơ sở y tế

Cùng với việc đầu tư nâng cấp mở rộng các bệnh viện, trung tâm y tế và các trạm y tế hiện có sẽ tiến hành mở rộng, xây mới các bệnh viện tuyến huyện, các Trung tâm y tế ở các huyện, trung tâm y tế dự phòng trung tâm cấp cứu 115, trung tâm phòng chống HIV - ADS, trung tâm kiểm nghiệm thực phẩm, trung tâm huyết học truyền máu... và các phòng khám đa khoa tư nhân phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong huyện.

-Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

Để đáp ứng được công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá cần phải nâng cao trình độ dân trí, tạo nguồn lực, bồi dưỡng nhân tài cho huyện, vì vậy mạng lưới các trường phải đa dạng, hệ thống các trường quốc lập phải giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tranh thủ được sự đóng góp của các thành phần kinh tế, các lực lượng xã hội để phát triển các loại hình công lập, bán công. Các trường học của các cấp, các ngành phải đảm bảo khả năng tối đa phục vụ học 2 buổi/ngày cho tiểu học và trung học cơ sở. Mặt bằng các trường sẽ được mở rộng, cải tạo, xây mới để đạt được tiêu chuẩn về diện tích tính trên đầu học sinh theo quy định của Nhà nước.

- Đất chợ :Trong những năm tới sẽ mở rộng, xây mới chợ huyện cũng như chợ tại các xã.

+ Đất đô thị: Xây dựng An Lão trở thành khu đô thị vệ tinh trên địa bàn thành phố.

2.2.2 Chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội[3]

a.Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt trên 16 % vào năm 2020.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm: dịch vụ 34,2%; công nghiệp-xây dựng 36,1%; nông nghiệp 29,7% vào năm 2017; đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm vào năm 2020: dịch vụ 35,5%; công nghiệp-xây dựng 38,7%; nông nghiệp 25,8%.

- GDP bình quân đầu người năm 2017 đạt mức trung bình của tỉnh và đạt trên mức trung bình của tỉnh vào năm 2020.

- Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm từ 27-28 % vào năm 2017; và đạt 30-32% vào năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 100.000 tỷ đồng 5 năm (2017 - 2020).

Phân đầu đạt tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 11% GDP vào năm 2017, chiếm 14% vào năm 2020.

- Hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng, hiện đại đạt trình độ về kết cấu hạ tầng của những huyện phát triển trong khu vực.

b. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế thời kỳ 2017 - 2020

*** Khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản**

- Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đạt 3,85% vào năm 2017 và 1,09% vào năm 2020

- Cơ cấu GDP (theo giá hiện hành) ngành nông nghiệp đến năm 2017 đạt 3,20% vào năm 2017 và 1,29% vào năm 2020

- Xây dựng hệ thống rừng đặc dụng, hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn, kết hợp trồng mới và khoanh nuôi tái sinh, phát triển hệ thống rừng sản xuất gồm rừng nguyên liệu giấy và gỗ công nghiệp.

*** Khu vực kinh tế công nghiệp và xây dựng**

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng đạt 23,70% vào năm 2017 và 25,74% vào năm 2020

- Cơ cấu GDP (theo giá hiện hành) ngành công nghiệp - xây dựng đến năm 2015 đạt 35,46% vào năm 2017 và 45,50% vào năm 2020

*** Khu vực kinh tế dịch vụ**

- Tốc độ tăng trưởng dịch vụ đạt 15,3% vào năm 2017 và 20,34% vào năm 2020

- Cơ cấu GDP (theo giá hiện hành) ngành dịch vụ đến năm 2017 đạt 34,2% và 48,21% vào năm 2020

- Xây dựng các chợ trung tâm cụm xã, thị trấn, các trạm thu mua nông sản, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ở nông thôn có điều kiện giao lưu, trao đổi, kích thích sản xuất, đáp ứng nhu cầu hàng hóa thiết yếu, bình ổn giá cả thị trường.

c. Chỉ tiêu dân số, lao động, việc làm và thu nhập

- Hạn chế tốc độ tăng dân số, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,7%; tăng dân số cơ học 2% trở lên vào năm 2017; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,5%; tăng dân số cơ học 3 % trở lên vào năm 2020;

- Trong 4 năm tạo việc làm mới cho 75.000 lao động.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm 1,5-2%.

- Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập trung học cơ sở, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo đến năm 2017 từ 38,5%, đến năm 2020 từ 50 %.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm 3 -5%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2017 xuống dưới 12%.

- Phố, khu được công nhận đơn vị văn hoá cấp thành phố: 100%.

d. Chỉ tiêu phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn[3]

*** Chỉ tiêu phát triển đô thị**

Với vị thế là huyện trọng yếu về kinh tế - văn hóa – chính trị - khoa học kỹ thuật của thành phố Hải Phòng. Huyện An Lão là huyện giữ vai trò quan trọng trong định hướng phát triển hệ thống kinh tế của cả thành phố nói riêng và của vùng Bắc trung bộ nói chung và là vi thể quan trọng trong hệ thống các huyện của cả nước. Sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện của huyện An Lão sẽ là động lực kéo theo sự phát triển chung của toàn bộ hệ thống phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố cũng như trong vùng.

*** Chỉ tiêu phát triển khu dân cư nông thôn**

Xây dựng nông thôn tại các xã huyện lấy hộ gia đình, cụm dân cư và bản làng làm cơ sở, phù hợp với truyền thống sinh hoạt người dân sống trên địa bàn.

Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, gắn liền với chuyển đổi lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp để phát triển nông thôn bền vững.

Đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất ở trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, hạn chế lấy vào đất sản xuất nông nghiệp cho năng suất cao.

Bố trí các khu dân cư phải đáp ứng được yêu cầu: Thuận tiện giao lưu kinh tế, văn hóa; thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế gia đình; hình thành các cụm điểm kinh tế, phát triển các thị tứ, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cũng như tạo tiền đề để tiến hành đô thị hóa nông thôn.

Khu vực trung tâm cụm xã: Đây là các điểm dân cư tập trung, các trung tâm dịch vụ nông nghiệp nông thôn phục vụ trong bán kính 5 - 8 km. Các trung tâm này có chức năng tiếp nhận, thu gom các sản phẩm nông nghiệp, cung cấp các phương tiện chế biến nông sản, cung cấp và tiêu thụ các vật tư nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ xã hội, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu,... Tại các trung tâm này được xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thông tin liên lạc, các cụm công nghiệp,...

Khu dân cư tại các chợ truyền thống: Những khu dân cư tại những chợ truyền thống trên địa bàn huyện sẽ định hướng phát triển theo mô hình thị tứ với vai trò là hạt nhân về dịch vụ, kinh tế và làm tiền đề hình thành đô thị trong tương lai. Tại đây sẽ bố trí dân cư theo dọc các tuyến đường chợ theo hình thái ki ốt để vừa làm nơi buôn bán vừa là nơi ở của các hộ kinh doanh tại chợ.

Khu vực xóm, làng: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xã hội (điện, đường, trường học, cơ sở y tế, khu vui chơi giải trí,...) để từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của người dân..

e. Chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

****Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật***

- Hệ thống giao thông: Nâng cấp, mở rộng các trục giao thông chính, giao thông nội thị trên địa bàn huyện; đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông nông thôn đến các và các cụm dân cư.

- Mạng lưới bưu chính viễn thông: Mạng lưới bưu chính viễn thông đến năm 2020 được thông trong phục vụ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

- Phát triển ngành điện: Phát triển các trạm nguồn theo quy hoạch ngành, đảm bảo cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt.

- Hệ thống cấp thoát nước: Đảm bảo đến năm 2017 có 95% số hộ được sử dụng nước sạch và 100% số hộ được sử dụng nước sạch vào năm 2020.

- Phát triển thủy lợi: Nâng cấp, tu bổ hệ thống thủy lợi hiện có, đảm bảo chủ động cấp, thoát nước cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

***Chỉ tiêu hạ tầng xã hội**

- Giáo dục và đào tạo: đến năm 2020 phần đầu quy mô trường học đáp ứng đủ nhu cầu học tập của mọi người; đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục phổ thông 9 năm, duy trì phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, 100% trường học được kiên cố hóa và thiết bị dạy, học được trang bị đầy đủ.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: phần đầu đến năm 2020 đạt 12 bác sỹ và 30 giường bệnh/1 vạn dân, 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,0%.

- Văn hóa xã hội: xây dựng và nâng cấp nhà văn hóa các xã, thôn bản, chú trọng các thôn, vùng sâu, vùng xa, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của huyện.

- Thể dục thể thao: xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm thi đấu thể thao của huyện, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật thể thao cho các thị trấn, huyện lỵ. Chú trọng đào tạo vận động viên các môn thể thao có khả năng đạt thành tích cao, đặc biệt như các môn võ cổ truyền, thường xuyên phát động phong trào thể dục thể thao quần chúng.

- Xóa đói giảm nghèo: giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 xuống dưới 10%, tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4%.

2.2.3. Phương án quy hoạch sử dụng đất

a. Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch

***Đất nông nghiệp**

- Đất sản xuất nông nghiệp

Để thực hiện được mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp 5% giai đoạn 2017 - 2020 và đáp ứng nhu cầu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của huyện như trên, định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh đến năm 2020 như sau:

+ Hạn chế việc chuyển đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp và các mục đích khác.

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, đa dạng hoá cây trồng, tăng vụ trên đất ruộng, đất bãi để đưa hệ số sử dụng đất lên 2,0 lần vào năm 2020.

+ Để bù một phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm đi trong kỳ quy hoạch để chuyển sang đất phi nông nghiệp, trên cơ sở điều kiện khai thác đất chưa sử dụng.

- Đất nuôi trồng thủy sản

Trong thời gian gian tới tập trung nâng cao năng suất nuôi trồng thủy sản. Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản công nghiệp, bán công nghiệp.

***Đất phi nông nghiệp:**

Bố trí đủ quỹ đất để xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ, các khu dân cư hiện có, xây dựng các khu dân cư mới, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật song song với phát triển cơ sở hạ tầng xã hội về y tế, văn hoá, thể dục thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để đáp ứng nhu cầu về ăn ở, sinh hoạt của dân cư ngày một tăng và việc sử dụng đất ở tiết kiệm, hiệu quả, môi trường sống được cải thiện, việc quy hoạch đất ở cần được quan tâm về nhiều mặt: Đất ở, đất xây dựng các công trình phúc lợi, giao thông, cấp thoát nước. Trong quy hoạch vừa phải sử dụng tiết kiệm diện tích sẵn có, vừa phải sử dụng hợp lý không gian trong khu dân cư để thực hiện chỉnh trang cải tạo khu dân cư đã có. Phát triển các khu dân cư đô thị mới phải đi đôi với việc xây dựng các cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho sinh hoạt gắn liền với sản xuất dịch vụ, quan tâm đến việc bảo vệ môi trường.

Đầu tư tích cực, thoả đáng cho cơ sở hạ tầng, các công trình giao thông, phúc lợi công cộng để vừa khai thác đầy đủ tiềm năng về đất đai, lao động, các tài nguyên khác của huyện và của cả tỉnh để phát triển mạnh mẽ về kinh tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về phúc lợi xã hội.

***Đất chưa sử dụng**

Khai thác triệt để đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp đúng mục đích để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất và bảo vệ môi trường sinh thái.

b. Khả năng đáp ứng về số lượng, chất lượng đất đai cho nhu cầu sử dụng đất của huyện đến năm 2020.

Huyện An Lão có tổng diện tích tự nhiên là 11.506,43 ha, với điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, đặc điểm khí hậu, địa hình, đất đai, tài nguyên khoáng sản... cho phép đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

Hiện tại 95,9% diện tích tự nhiên đã được sử dụng vào các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp; còn 4,10% diện tích đất tự nhiên là đất chưa sử dụng. Như vậy, tỷ lệ đất đai phục vụ mục đích dân sinh kinh tế khá cao, nguồn đất đai dự trữ còn có thể khai thác sử dụng vào các

Hiện nay diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn 178,55 ha, tổng hợp kết quả điều tra về đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện cho thấy tiềm năng đất chưa sử dụng có thể khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như sau:

- Trên diện tích đất bằng chưa sử dụng có thể khai thác khoảng hơn 104,29 ha, bằng 11,03% diện tích, trong đó sử dụng làm đất nông nghiệp 32,80 ha và đưa vào sử dụng đất phi nông nghiệp 71,49 ha.

Như vậy, tiềm năng đất đai của tỉnh có khả năng đáp ứng nhu cầu về chất lượng, số lượng cho các mục đích trong kỳ quy hoạch đến năm 2020.

c. Diện tích các loại đất phân bổ cho các mục đích sử dụng

****Đất nông nghiệp***

Năm 2017 diện tích đất nông nghiệp của huyện là 6.426,05 ha, trong đó đất lúa có 5.228,91 ha; đất trồng cây lâu năm có 243,63 ha, đất trồng cây hàng năm còn lại có 181,21 ha, đất rừng phòng hộ có 52,34 ha, đất rừng đặc dụng có 45,21 ha, đất rừng sản xuất có 17,59 ha. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2020 như sau:

.Đất nông nghiệp: được chuyển sang đất phi nông nghiệp với tổng diện tích là 1.136,93 ha, cụ thể như sau:

- Chuyển sang đất ở: 286,36 ha;
- Chuyển sang đất chuyên dùng: 797,04 ha;

.Mở rộng thêm đất nông nghiệp:

- Mở rộng đất nông nghiệp do khai thác đất chưa sử dụng: Trên cơ sở đánh giá khả năng khai thác các loại đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, trong kỳ quy hoạch diện tích đất nông nghiệp tăng do khai thác từ đất

chưa sử dụng là 62,19 ha, cho mục đích nuôi trồng thủy sản, đất rừng phòng hộ và đất nông nghiệp khác

+ Đất trồng lúa nước :

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất trồng lúa nước giảm 728,15 ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể chuyển sang các loại đất như sau:

- Đất ở: 196,24 ha;
- Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: 5,13 ha;
- Đất an ninh: 0,84 ha
- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 352,23 ha;
- Đất có mục đích công cộng: 130,12 ha.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất lúa nước có diện tích là 4.608,06 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm còn lại

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất trồng cây hàng năm còn lại giảm 112,26 ha, để chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp, cụ thể cho từng loại đất như sau:

- Đất ở: 15,51 ha;
- Đất chuyên dùng: 94,0 ha
- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 64,50 ha;
- Đất có mục đích công cộng: 23,61 ha.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất trồng cây hàng năm còn lại có diện tích là 5,83 ha

+ Đất trồng cây lâu năm

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 100,10 ha để chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp cụ thể cho từng loại đất như sau:

- Đất ở: 20,36 ha;
- Đất chuyên dùng: 5,50 ha
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 54,37 ha
- Đất có mục đích công cộng: 16,52 ha;

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 9,53 ha

*** Đất phi nông nghiệp**

+ Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp

Trong thời kỳ quy hoạch diện tích đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp tăng 7,64 ha được lấy từ đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm còn lại, đất ở tại nông thôn.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 diện tích đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của huyện là 19,94 ha.

+ Đất quốc phòng

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất quốc phòng tăng 18 ha và được lấy từ đất hàng năm còn lại và đất trồng cây lâu năm..Dự kiến đến năm 2020 diện tích đất quốc phòng huyện An Lão là 123,06 ha.

+ Đất khu công nghiệp

Trong kỳ quy hoạch đất Khu, cụm công nghiệp tăng thêm là 608,0 ha do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất lúa nước: 273,48 ha;
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 44,0ha;
- Đất có rừng trồng sản xuất: 54,37 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 54,46 ha;
- Đất giao thông 86,23 ha
- Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng là 87,60 ha
- Đất bằng chưa sử dụng: 7,86 ha;

Như vậy tổng diện tích đất khu công nghiệp trên địa bàn huyện An Lão đến năm 2020 là 659,57 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng thêm 133,93 ha và được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa nước: 78,75 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 5,0 ha
- Đất ở tại nông thôn 49,58 ha
- Đất bằng chưa sử dụng: 0,6 ha;

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất cơ sở sản xuất kinh doanh huyện An Lão là 274,69 ha.

+ Đất cho hoạt động khoáng sản

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2020, diện tích đất cho hoạt động khai thác khoáng sản tăng 20,50 ha để tiến hành mở rộng, khai thác các mỏ và xây dựng nhà máy chế biến khoáng sản tại các xã.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất cho hoạt động khoáng sản có diện tích là 20,50 ha.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sứ

Trong kỳ quy hoạch đến năm 2020, diện tích đất cho hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng không thay đổi

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải

Trong kỳ quy hoạch, để đảm bảo cho việc xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, và chất thải sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn huyện thì diện tích cần tăng thêm là 27,40 ha và được chuyển từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa nước: 13,70 ha;
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 0,50 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 3,3 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,9 ha
- Đất thủy lợi 3,0 ha
- Đất nghĩa trang nghĩa địa: 4,2 ha.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại của huyện An Lão có diện tích là 30,05 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Để đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh tại các khu dân cư về việc tang lễ, trong thời gian tới cần quy hoạch các nghĩa địa nhân dân tập trung tại các xã, thị trấn trên địa bàn toàn huyện, tuy nhiên do tập quán sản xuất và đời sống tinh thần nhân dân địa phương, việc quy hoạch đất nghĩa trang trong kỳ đầu còn gặp nhiều khó khăn trong công tác tổ chức và vận động. Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện tăng 52,03 ha.

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất nghĩa trang nghĩa địa của huyện An Lão là 176,36 ha.

+Đất có mục đích công cộng

.Đất giao thông:

Khóa luận tốt nghiệp

Nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá tạo tiền đề cho sự giao thương kinh tế giữa các huyện, xã và các tỉnh. Từ nay đến năm 2020 hệ thống giao thông huyện An Lão sẽ được nâng cấp, cải tạo và làm mới như sau:

Quy hoạch 190,96 ha đất dành cho giao thông nông thôn, giao thông nội đồng trên địa bàn toàn huyện An Lão bao gồm tất cả các xã trên địa bàn huyện.

Tổng diện tích để xây dựng các công trình giao thông trên là 190,96 ha và được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất lúa nước: 49,02 ha;
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 16,66 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 11,57 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 71,21 ha
- Đất ở tại nông thôn 30,04 ha
- Đất bằng chưa sử dụng 12,46 ha

Như vậy, dự kiến đến năm 2020 đất giao thông có diện tích là 906,32 ha.

.Đất thủy lợi

Để đáp ứng nhu cầu thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đảm bảo tưới tiêu và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, trong kỳ quy hoạch đến năm 2020 diện tích đất thủy lợi tăng 7,3 ha, phần diện tích tăng được lấy từ các loại đất sau:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 1,8 ha;
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 2,5 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 3,0 ha;

Như vậy, dự kiến đến năm 2020 diện tích đất thủy lợi huyện An Lão là 618,85 ha

.Đất công trình năng lượng

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất công trình năng lượng không thay đổi so với hiện trạng.

.Đất công trình bưu chính viễn thông

Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2020 diện tích đất công trình bưu chính viễn thông tăng thêm 0,41 ha để xây dựng bưu điện Mỹ Đức II tại xã Mỹ Đức và quy hoạch đất viễn thông Thạch Lạ

Như vậy, dự kiến đến năm 2020 đất công trình bưu chính viễn thông huyện An Lão có diện tích là 0,79 ha.

.Đất cơ sở văn hóa

Trong thời kỳ đến năm 2020, diện tích đất cơ sở văn hóa của huyện An Lão tăng 14,42 ha để xây dựng các công trình văn hóa tại các xã, thị trấn:

Diện tích đất cơ sở văn hóa tăng lên trong kỳ quy hoạch được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất lúa nước : 12,11 ha;
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 0,3 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,15 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản 1,02 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha
- Đất bằng chưa sử dụng 0,04 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất cơ sở văn hóa huyện An Lão có diện tích là 26,34 ha.

.Đất cơ sở y tế

Trong kỳ quy hoạch, đất cơ sở y tế trên địa bàn huyện An Lão được mở rộng với việc mở rộng và xây mới các công trình với diện tích tăng lên là 8,92 ha được chuyển từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa nước: 3,73 ha
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 2,49 ha
- Đất ở tại đô thị: 2,2 ha
- Đất giao thông; 0,5 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020 diện tích đất cơ sở y tế là 13,62 ha;

.Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

Trong kỳ quy hoạch, đất cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn huyện An Lão được đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các trường khối trường cấp 2, tiểu học, mầm non trên địa bàn huyện, với tổng diện tích là 13,65 ha và được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa nước: 11,36 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản 1,74 ha
- Đất ở đô thị 0,25 ha
- Đất bằng chưa sử dụng 0,3 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất cơ sở giáo dục - đào tạo huyện An Lão có diện tích là 57,29 ha.

.Đất cơ sở thể dục - thể thao

Trong thời kỳ quy hoạch diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của huyện tăng lên 28,26 ha tại xã Minh Lộc, diện tích tăng được chuyển từ các loại đất sau;

-Đất trồng lúa nước: 25,90 ha

-Đất t Đất trồng cây lâu năm: 1,50 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất cơ sở thể dục thể thao của huyện An Lão có diện tích là 38,38 ha.

.Đất chợ

Trong kỳ quy hoạch, nhằm mục đích đảm bảo nhu cầu trao đổi hàng hoá của nhân dân và góp phần phát triển hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện, diện tích đất chợ tăng 12,39 ha để xây dựng mới và mở rộng hệ thống chợ.

Diện tích đất chợ tăng được chuyển sang từ đất chuyên trồng lúa nước sang và đất hàng năm còn lại sang

Như vậy dự kiến đến năm 2020 diện tích đất chợ của huyện An Lão là 14,66 ha.

+Đất ở

.Đất ở tại đô thị

Trong kỳ quy hoạch do nhu cầu phát triển kinh tế hạ tầng nâng cao đời sống của người dân diện tích đất ở tại đô thị tăng thêm 146,37 ha so với hiện trạng và được chuyển từ các loại đất sau:

-Đất trồng lúa nước 140,0 ha

-Đất nuôi trồng thủy sản: 5,0 ha

-Đất bằng chưa sử dụng 0,91 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, diện tích đất ở tại đô thị là 259,31 ha.

+ Đất ở tại nông thôn

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất ở tại nông thôn của huyện tăng 176,82 ha. Diện tích tăng được chuyển sang từ các loại đất cụ thể như sau:

-Đất trồng lúa nước 55,78 ha

-Đất trồng cây hàng năm còn lại; 15,51 ha

-Đất trồng cây lâu năm: 20,36 ha

-Đất nuôi trồng thủy sản: 49,25 ha

-Đất bằng chưa sử dụng 35,92 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất ở tại nông thôn của huyện An Lão có diện tích là 1.852,77 ha.rồng cây hàng năm còn lại: 0,86

c. Diện tích đất chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch

****Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp***

Để thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất trên, trong kỳ quy hoạch cần chuyển 1136,33 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất lúa chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp: 717,25 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 100,10 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 196,42ha

****Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp***

Trong kỳ quy hoạch, huyện An Lão chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất nuôi trồng thủy sản là 6,3 ha.

d. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch

Để thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất, trong kỳ quy hoạch cần đưa 104,34 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sau:

**** Đất nông nghiệp:*** 62,19 ha, cho mục đích nuôi trồng thủy sản;

**** Đất phi nông nghiệp:*** 107,49 ha, trong đó:

- Đất ở nông thôn: 35,92 ha;
- Đất khu công nghiệp: 7,86 ha;
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 0,6 ha;
- Đất giao thông: 12,46 ha
- Đất văn hóa; 0,4 ha
- Đất giáo dục 0,3 ha
- Đất di tích danh thắng 36 ha
- Đất bãi thải chất thải: 4,2 ha;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 2,2 ha;

2.2.4.Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất

(Phân kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2017– 2020)

a.Diện tích các loại đất phân bổ cho các mục đích

****Đất nông nghiệp***

Kế hoạch sử dụng đất (2017-2020) như sau: Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 539,79 ha trong đó:

- Đất trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp 378,88 ha.
- Đất trồng cây hàng năm còn lại chuyển sang đất phi nông nghiệp: 47,31 ha
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 25,69 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 87,91ha

***Đất phi nông nghiệp**

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp tăng 2,09 ha để xây dựng mở rộng trụ sở cơ quan tại các xã, thị trấn. Diện tích đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp tăng được thu hồi và chuyển mục đích sang từ các loại đất sau:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 1,70 ha
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 0,39 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, diện tích đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp có diện tích là 19,94 ha.

+ Đất quốc phòng

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất quốc phòng tăng 9,50. Diện tích đất quốc phòng tăng trong kỳ kế hoạch được thu hồi và chuyển mục đích sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 5,00 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,50 ha
- Đất bằng chưa sử dụng: 4,00 ha

Như vậy đến năm 2020, đất quốc phòng có diện tích 123,06 ha.

+ Đất an ninh

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất an ninh không thay đổi và có diện tích là 31,36 ha.

+ Đất khu công nghiệp

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất khu công nghiệp tăng 355,00 ha để xây dựng các công trình:

- Khu công nghiệp Phương Chủ Đông
- Khu công nghiệp Chi Lai

- Khu công nghiệp Cửa Hoạt – Quán Thắng
- Khu công nghiệp Cầu Đông
- Đất khu công nghiệp khác.

Diện tích đất khu công nghiệp tăng được lấy từ các loại đất

- Đất chuyên trồng lúa nước: 137,94 ha
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 15,00 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 9,00 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 25,46 ha
- Đất giao thông: 80,00 ha
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 87,60 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất khu công nghiệp có diện tích 659,57 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017-2020) diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng 90,73 ha để xây dựng các khu sản xuất kinh doanh, các khu tiểu thủ công nghiệp. Diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng được lấy từ các loại đất

- Đất chuyên trồng lúa nước: 41.15 ha
- Đất ở tại nông thôn: 49,58 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất cơ sở sản xuất kinh doanh có diện tích 7.778,43 ha.

+ Đất cho hoạt động khoáng sản

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017- 2020), diện tích đất cho hoạt động khoáng sản không tăng

Như vậy dự kiến đến năm 2020, diện tích đất hoạt động khoáng sản là : 274,69 ha.

+ Đất cho hoạt động khoáng sản

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 – 2020), diện tích đất cho hoạt động khoáng sản tăng 20,50 ha. Diện tích cho hoạt động khoáng sản tăng được lấy từ đất trồng cây hàng năm còn lại.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 diện tích đất vật liệu gốm sứ là : 238,80 ha.

+ Đất sản xuất vật liệu gốm

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất sản xuất vật liệu gốm sứ không thay đổi

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất sản xuất vật liệu gốm sứ có diện tích là 33,67 ha.

+ Đất di tích danh thắng

Trong kế hoạch sử dụng (2017 - 2020), diện tích đất di tích danh thắng tăng 36,00 ha. Diện tích đất di tích danh thắng tăng trong kỳ kế hoạch được chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng.

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất di tích danh thắng có diện tích 85,64 ha.

+ Đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại tăng 7,78 ha; được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 3,78 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,00 ha

- Đất thủy lợi: 3,00 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại có diện tích là 30,05 ha.

+ Đất tôn giáo tín ngưỡng

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất tôn giáo tín ngưỡng tăng 1,00 ha; được lấy từ đất chuyên trồng lúa nước.

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất tôn giáo, tín ngưỡng có diện tích là 34,33ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Trong kế hoạch sử dụng đất 2017 - 2020, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn toàn huyện tăng 32,14 ha để mở rộng, quy hoạch mới các nghĩa trang nhân dân tại các xã, thị trấn. Diện tích tăng trên được thu hồi và chuyển mục đích sang từ các loại đất sau:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 22,70 ha

- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 2,60 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 1,80 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 2,84 ha

- Đất bằng chưa sử dụng: 2,20 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất nghĩa trang nghĩa địa có diện tích là 167,40ha.

+ Đất phát triển hạ tầng

.Đất giao thông

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 – 2020), diện tích đất giao thông tăng 29,06 ha để xây dựng các công trình sau:

- Quy hoạch, mở rộng đường liên thôn
- Mở rộng đường liên xã Trường Sơn – Thái Sơn

Diện tích đất giao thông tăng được lấy từ các loại đất

- Đất chuyên trồng lúa nước: 8,04 ha
- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 0,60 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 4,80 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 15,17 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,45 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất giao thông có diện tích 854,06 ha.

.Đất thủy lợi

Trong kế hoạch sử dụng đất(năm 2017- 2020), diện tích đất thủy lợi tăng 4,50 ha để xây dựng công trình đê kè kếp kín các tuyến đê sông. Diện tích đất thủy lợi tăng được lấy từ các loại đất:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 1,50 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 3,00 ha

Đồng thời trong kế hoạch sử dụng đất (năm 2017 – 2020), diện tích đất thủy lợi giảm 3,00 ha do chuyển sang đất bãi thải, xử lý chất thải.

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất thủy lợi có diện tích 618,85 ha.

.Đất công trình năng lượng

Dự kiến đến năm 2020, đất công trình năng lượng có diện tích 3,71 ha

.Đất công trình bưu chính viễn thông

Dự kiến đến năm 2020, đất công trình bưu chính viễn thông có diện tích 0,79ha.

.Đất cơ sở văn hóa

Trong kế hoạch sử dụng đất (năm 2017- 2020), diện tích tăng 5,62 ha để xây dựng nhà văn hoá các xã, thị trấn trên toàn huyện. Diện tích đất cơ sở văn hóa tăng được lấy từ đất

- Đất chuyên trồng lúa nước: 5,17 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,45 ha

Như vậy, dự kiến đến năm 2020, đất cơ sở văn hóa có diện tích 29,74 ha.

.Đất cơ sở y tế

Trong kế hoạch sử dụng đất (năm 2017 - 2020), diện tích tăng 2,76 ha để xây dựng một số công trình y tế của các trên toàn huyện. Diện tích đất cơ sở y tế tăng được lấy từ đất

-Đất chuyên trồng lúa nước: 0,06 ha

-Đất ở tại đô thị: 2,20 ha

-Đất giao thông: 0,50 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất cơ sở y tế có diện tích 13,62 ha.

.Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

Trong kế hoạch sử dụng đất (năm 2017 - 2020), diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo tăng 5,14 ha để xây hoàn thiện hệ thống trường THPT, THCS, tiểu học, mầm non trên địa bàn toàn huyện. Diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo tăng được lấy từ các loại đất

-Đất chuyên trồng lúa nước: 4,40 ha

-Đất nuôi trồng thủy sản: 0,74 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất cơ sở giáo dục và đào tạo có diện tích 60,25 ha.

.Đất cơ sở thể dục - thể thao

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), diện tích đất cơ sở thể dục thể thao tăng 4,53 ha để xây dựng các công trình như: sân vận động, sân thể thao của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Diện tích đất cơ sở thể dục thể thao tăng được lấy từ các loại đất:

-Đất chuyên trồng lúa nước: 3,97 ha

-Đất trồng cây hàng năm còn lại: 0,56 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích là 38,38ha.

.Đất cơ sở về dịch vụ xã hội

Như vậy dự kiến đến năm 2020 đất cơ sở về dịch vụ xã hội có diện tích 1,10 ha

.Đất chợ

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017- 2020), diện tích đất chợ tăng 2,76 ha. Diện tích đất chợ tăng được lấy từ các loại đất

-Đất chuyên trồng lúa nước: 2,46 ha

-Đất trồng cây hàng năm còn lại: 0,30 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, chợ của huyện có diện tích là 14,66 ha.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017 – 2020), diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 120,10 ha để chuyển sang các mục đích khác

- Đất nuôi trồng thủy sản: 27,50 ha

- Đất nông nghiệp khác: 5,00 ha

- Đất khu công nghiệp: 87,60 ha

+ Đất ở

.Đất ở đô thị

Trong kế hoạch sử dụng đất (2017- 2020), diện tích đất ở đô thị giảm 2,20 ha do chuyển sang đất y tế

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất ở đô thị của huyện có diện tích là 259,31ha.

.Đất ở tại nông thôn

Trong kế hoạch sử dụng đất (năm 2017 - 2020), diện tích đất ở tăng 83,67 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn tăng được lấy từ đất

-Đất chuyên trồng lúa nước: 18,20 ha

-Đất trồng cây hàng năm còn lại: 2,36 ha

-Đất trồng cây lâu năm: 9,59 ha

-Đất nuôi trồng thủy sản: 39,25 ha

-Đất bằng chưa sử dụng: 14,27 ha

Đồng thời trong kế hoạch sử dụng đất (2017 - 2020), đất ở tại nông thôn giảm 50,03 ha do chuyển sang các mục đích

-Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 49,58 ha

-Đất giao thông: 0,45 ha

Như vậy dự kiến đến năm 2020, đất ở tại nông thôn có diện tích 1.856,87 ha.

b.Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất (năm 2017 - 2020) trên, trong kỳ quy hoạch cần chuyển 539,79 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 378,88 ha

- Đất trồng cây hàng năm còn lại chuyển sang đất phi nông nghiệp: 47,31 ha

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 25,69 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 87,91 ha

c. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất (năm 2017 - 2020) cần đưa 95,66 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sau:

***Đất nông nghiệp:** 39,19 ha, trong đó:

- Đất có rừng trồng phòng hộ: 27,59 ha
- Đất nông nghiệp khác: 11,60 ha

***Đất phi nông nghiệp:** 56,47 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn : 14,27 ha
- Đất quốc phòng: 4,00 ha
- Đất có di tích danh thắng: 36,00 ha
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 2,20 ha

2.2.5. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế xã hội

a. Đánh giá tác động về kinh tế

- Khu vực trung tâm huyện Phát triển thương mại dịch vụ: Dựa trên những lợi thế sẵn có của huyện để xây dựng huyện An Lão trở thành một trong những huyện mạnh về kinh tế của vùng Đông Bắc Bộ. Hình thành mạng lưới thương mại dịch vụ sản xuất với 3 chức năng cơ bản: (1) phát triển các hệ thống dịch vụ thương mại, (2) cung cấp vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng, (3) tiêu thụ sản phẩm hàng công nghiệp. Các trung tâm thương mại, siêu thị và chợ được hình thành nhiều hơn, đặc biệt là ở khu vực trung tâm huyện đảm bảo cho nhu cầu giao lưu, trao đổi hàng hóa của người dân ngày càng cao.

- Khu vực các xã thuần nông: Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Đẩy nhanh chuyển dịch các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng trang trại doanh nghiệp hàng hóa. Tổ chức sản xuất hàng hóa nông sản với chất lượng cao và bền vững.

b. Đánh giá tác động về xã hội - môi trường

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện còn đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo an toàn lương thực, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Nhanh chóng đưa huyện An Lão thành một huyện mạnh về kinh tế của vùng. Góp phần xây dựng nền kinh tế quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng trên các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, phần đầu là lá cờ đầu của tỉnh trong toàn bộ các lĩnh vực. Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Tạo chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch, đẹp. Ngăn ngừa hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

CHƯƠNG 3 :GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Giải pháp chính sách

- Thực hiện tốt các chính sách về bồi thường thiệt hại, hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng. Giải quyết công tác tái định cư và lao động cho các đối tượng di dời theo quy hoạch.

- Quan tâm đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, rút ngắn khoảng cách các vùng, nâng cao mức sống trong nhân dân.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch. Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương, tổ chức, đơn vị thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất theo nội dung quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường công tác định canh, định cư. Đảm bảo nhu cầu đất đai sản xuất, nhà ở cho nhân dân vùng trung du, miền núi. Thực hiện tốt các chính sách giao đất, giao rừng cho nhân dân.

3.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai phát triển đô thị, công nghiệp và du lịch. Gia tăng giá trị đất đai, khai thác hiệu quả các nguồn thu từ đất thông qua tổ chức khai thác quỹ đất của tỉnh, góp phần phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Ưu tiên đất đai cho các dự án, công trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của huyện thuộc các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, dịch vụ, cơ sở hạ tầng...

- Tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, thu hút đầu tư. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong công tác giao đất, cho thuê đất, cấp giấy phép đầu tư...

3.3. Giải pháp về công nghệ

- Từng bước đầu tư các tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ, thông tin vào lĩnh vực quản lý đất đai nhằm nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về đất đai.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ..., nhằm sản xuất ra hàng hoá có số lượng nhiều và chất lượng tốt, giá thành rẻ đối với hàng hoá chủ lực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong huyện và yêu cầu thị trường ngoài nước.

- Tập trung xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn của huyện. Thực hiện xã hội hoá hoạt động khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường đổi mới cơ chế và hoàn thiện chính sách trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường phù hợp với địa phương, tạo môi trường cho hoạt động khoa học và công nghệ, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất dốc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông - lâm nghiệp... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

3.4. Giải pháp về bảo vệ, cải thiện đất đai và môi trường

- Tăng cường công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng. Có kế hoạch cụ thể về trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, tăng độ che phủ rừng trong kỳ quy hoạch. Phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với phát triển tài nguyên rừng trên cơ sở phát triển bền vững. Đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

- Hạn chế việc sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa có năng suất chuyển sang mục đích phi nông nghiệp. Các dự án đầu tư, các công trình có thiết hại nhiều đến đất nông nghiệp cần xem xét để khai thác vào cuối kỳ quy hoạch, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề về kinh tế và lao động. Ưu tiên đầu tư cho các khu vực sản xuất, kinh doanh khai thác từ đất chưa sử dụng.

- Đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và phát triển đô thị nhất thiết phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sinh thái. Giải quyết tốt các vấn đề về ô nhiễm môi trường đất, không khí, nguồn nước... Khai thác đất đai đi đôi với việc đầu tư cải tạo đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Thực hiện quy hoạch sử dụng đất cần giảm thiểu thiết hại đến cảnh quan thiên nhiên, thảm thực vật, nguồn nước mặt... Khi thực hiện đầu tư cần xây dựng quy hoạch chi tiết trên cơ sở nghiên cứu, xem xét một cách có hiệu quả nhất.

3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai theo pháp luật và chế độ, chính sách của nhà nước, nhanh chóng khắc phục những vướng mắc, tồn tại về quản lý

đất đai trên địa bàn toàn huyện. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư thực hiện việc khai thác sử dụng đất có hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý về khai thác tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước, bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

- Công bố quy hoạch sử dụng đất để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý và thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất.

- Tạo điều kiện để nông dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi trên đất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Duy trì và đảm bảo cho người dân có đất canh tác và đất ở ổn định tạo điều kiện để sản xuất nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Có chính sách và biện pháp sử dụng hợp lý các loại đất mang tính đặc thù như: ưu tiên dành đất cho các nhu cầu đặc biệt quốc phòng - an ninh, các công trình quốc gia, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ ngành Tài nguyên và Môi trường, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, nhân viên địa chính cấp xã.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1.KẾT LUẬN

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, của huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các phòng, ban (huyện) và UBND các xã, thị trấn; các dự án đầu tư, cân đối điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của từng xã, thị trấn. Vì vậy mức độ chi tiết đảm bảo theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất. Nhưng tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào tính khả thi của các dự án, công trình và những yếu tố khách quan khác. Phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện An Lão đến năm 2020 đã thể hiện được một số yếu tố, nội dung sau:

a,Hiện trạng sử dụng đất của huyện An Lão

-Huyện An Lão là huyện có vị trí,địa lý thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Qua phân tích hiện trạng, cơ cấu,biến động sử dụng đất huyện An Lão, nhận thấy,về cơ bản huyện đã sử dụng đất có hiệu quả phù hợp với cơ cấu kinh tế phát triển nông nghiệp(diện tích đất nông nghiệp có 6424.05ha)

+Đất sản xuất nông nghiệp 5653.75 ha, bằng 49.14 % diện tích đất nông nghiệp.

+ Đất lâm nghiệp 115.14 ha chiếm 1.00 % diện tích đất nông nghiệp.

+ Đất nuôi trồng thủy sản 620.39 ha, bằng 5.39 % diện tích đất nông nghiệp.

-Tài liệu điều tra cơ bản về đất đai nhất là tài liệu đo đạc lập bản đồ địa chính,mức độ cập nhật thấp, không phản ánh đúng tình hình biến động đất đai trong khi thực tế sử dụng đất biến động lớn.

- Trong quá trình sử dụng đất một số tổ chức,doanh nghiệp còn coi nhẹ việc bảo vệ cảnh quan môi trường dẫn đến ô nhiễm đất,suy thoái đất.

- Một số địa phương công tác quản lý đất đai vẫn còn lỏng lẻo,công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai chưa được làm thường xuyên, liên tục.

- Nhận thức của người dân về chính sách đất đai không đều, ý thức của người sử dụng đất chưa cao, chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai.

b,Quy hoạch sử dụng đất của huyện An Lão

- Quy hoạch sử dụng đất huyện An Lão đến năm 2017 đã được thành phố phê duyệt,góp phần tích cực vào việc định hướng và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của huyện, tạo điều kiện phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu

kinh tế - xã hội của huyện: tạo quỹ đất cho việc xây dựng, cải tạo và chỉnh trang đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp chính quyền thực hiện quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn đi vào kỷ cương pháp luật, nề nếp, hiệu quả.

- Diện tích đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sử dụng chưa triệt để và chưa đem lại hiệu quả cao.

- Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không có quy hoạch hoặc không theo kế hoạch, sử dụng đất phân tán, manh mún còn phổ biến là thực tế rất khó có thể đạt được hiệu quả cao trong việc khai thác tiềm năng đất đai.

- Quy hoạch tập trung các khu nghĩa địa, xử lý rác theo hướng tập trung đảm bảo môi trường sinh thái, kiến trúc không gian.

Vậy kết quả của dự án được thể hiện chiến lược sử dụng đất của huyện đến năm 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn, các ban ngành trong huyện thực hiện đầy đủ chủ trương chính sách của nhà nước và thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật

2. KIẾN NGHỊ

Sau khi quy hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt trực tiếp thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã để từng bước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch từ xã, thị trấn đến huyện.

Căn cứ vào phương án quy hoạch sau khi được phê duyệt, đề nghị Trung ương, tỉnh:

+ Hỗ trợ kinh phí cho từng dự án đã đặt ra cho từng thời kỳ trong phương án quy hoạch.

+ Tạo hành lang pháp lý thông thoáng và giới thiệu các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư trên địa bàn huyện.

- Sớm phê duyệt và cấp vốn cho các công trình mang tính cấp thiết của huyện gồm: Hoàn thiện mạng lưới giao thông liên thôn, liên xã. Phục vụ cho vận chuyển hàng hóa tới các khu, cụm tiểu thủ công nghiệp, khu dân cư trong và ngoài huyện được thuận tiện góp phần thúc đẩy giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần An Phong (chủ biên) NXB Nông nghiệp, 1995. “Đánh giá hiện trạng sử dụng đất trên quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền”.
2. V.P.Troiski (Chủ biên). Cơ sở khoa học của quy hoạch sử dụng đất (tiếng Nga). NXB Bông lúa.1995.
3. Trần Văn Tuấn. “Đánh giá hiện trạng và định hướng sử dụng quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bố trí điểm tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La”. Báo cáo tổng kết đề tài cấp ĐHQGHN
4. Tổ chức Liên Hợp Quốc. (bản dịch) 1971. “Sử dụng hợp lí các nguồn dự trữ của sinh quyển”.
5. Tổng Cục địa chính, Hà Nội năm 1999. “Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về quy hoạch sử dụng đất đai”.
6. Bộ NN và PT NT. NXB Khoa học và kỹ thuật HN 2009 “Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp”.
7. UBND huyện An Lão. Báo cáo quy hoạch sử dụng đất huyện An Lão đến năm 2020.